

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số.../QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày tháng năm 2018

của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế - Luật)

Tên chương trình: **LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **LUẬT KINH TẾ**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Mã ngành đào tạo: 52.38.01.07

Trưởng bộ môn: **PGS.TS Dương Anh Sơn**

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng có tham khảo các chương trình đào tạo tương đương hoặc có liên quan ở các trường đại học trong nước cũng như nước ngoài.

Được bố trí trong 4 năm học (8 học kỳ) với 130 TC (Không bao gồm các tín chỉ ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng). Trong đó bao gồm:

- Bắt buộc: 91 TC
- Tự chọn: 29 TC
- Thực tập và khóa luận: 10 TC.

Tỉ lệ các khối kiến thức

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức chung	Khối kiến thức thuộc lĩnh vực, khối ngành, ngành và chuyên ngành			
				Khoa học xã hội	Khối ngành luật	Luật Kinh tế	Luật Thương mại quốc tế và thực tập tốt nghiệp
Đại học	4 năm	130	13	14	37	32	34

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ

A. Các môn bắt buộc (25 tín chỉ)

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	SỐ TC	GHI CHÚ
1	GEN1001	Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin	5	
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	
5	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	
6	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	
7	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	Môn tài năng
8	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	
9	GEN1108	Phương pháp NCKH	3	Môn tài năng

B. Các môn tự chọn (11 tín chỉ)

Nhóm 1	GEN1101	1. Tâm lý học (2TC)	2	
	GEN1102	2. Nhập môn khoa học giao tiếp (2TC)	2	
Nhóm 2	GEN1104	1. Quan hệ quốc tế (2TC)	2	
	GEN1103	2. Địa chính trị thế giới(2TC)	2	
Nhóm 3	MIS1104	1. Tin học ứng dụng (3TC)	3	
	GEN1107	2. Logic học (3TC)	3	
Nhóm 4	GEN1106	1. Xã hội học (2TC)	2	
	GEN1105	2. Văn hóa học (2TC)	2	
Nhóm 5	BUS1303	1. Kỹ năng làm việc nhóm (2TC)	2	

2. Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ

2.1 Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: 30 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	MÔN HỌC	SỐ TC	GHI CHÚ
1	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	3	
2	LAW1007	Luật Hiến pháp Việt Nam	3	
3	LAW1502	Luật hợp đồng	3	Môn tài năng

4	LAW1109	Luật tố tụng dân sự	3	
5	LAW1005	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	3	
6	LAW1101	Những vấn đề chung về Luật dân sự	3	
7	LAW1102	Pháp luật về tài sản	3	Môn tài năng
8	LAW1010	Luật hành chính	3	
9	LAW1013	Luật hình sự	3	
10	LAW1219	Luật môi trường	3	
11	GEN1109	Leader Ship	3	Môn tài năng

2.2. Kiến thức cơ sở ngành (28 TC)

A. Các môn bắt buộc (21 TC)

STT	Mã MH	Tên Môn học	Số TC	Ghi chú
1	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	Môn tài năng (Song ngữ)
2	LAW1503	Luật thương mại	3	
3	LAW1113	Luật lao động	3	
4	LAW1507	Các hợp đồng thông dụng	3	
5	LAW1014	Luật tố tụng hình sự	3	
6	LAW1212	Luật thuế	3	
7	LAW1505	Luật đất đai	3	Môn tài năng

B. Các môn tự chọn (7 TC)

1	COM1011	Logistics	3	
2	LAW1525	Tập quán thương mại quốc tế	2	
3	LAW1524	Luật biển quốc tế	2	
4	LAW1520	Bảo hiểm quốc tế	3	
5	LAW1527	Luật hàng không quốc tế	2	

2.3 Kiến thức chuyên ngành (27 TC)

A. Các môn bắt buộc (21 TC)

1	LAW1506	Luật quốc tế	3	
2	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	

3	LAW1518	Luật kinh doanh quốc tế	3	Môn tài năng (Song ngữ)
4	LAW1104	Tư pháp quốc tế	3	
5	LAW1519	Luật hàng hải	2	
6	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	Môn tài năng (Tiếng anh)
7	LAW1202	Luật ngân hàng	2	
8	LAW1509	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	

B. Các môn tự chọn: 6 TC

1	LAW1523	Giải quyết tranh chấp TMQT theo cơ chế WTO	2	
2	LAW1522	Pháp luật về phòng vệ thương mại	2	
3	LAW1521	Trọng tài TMQT	2	
4	LAW1526	Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan	2	

Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp 10 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 4 TC				
1		Thực tập cuối khóa	4		4	Môn tài năng
2		Khóa luận tốt nghiệp	6	6		Môn tài năng

2. Danh mục các môn học tài năng:

STT	MÃ MÔN HỌC	Tên môn học	Phần mở rộng			
			Đồ án/Đề tài (Đánh dấu X vào một trong hai hình thức sau)		Lý thuyết bổ sung	Thí nghiệm/Thực hành bổ sung
			Lớp riêng	Không có lớp riêng		
1.	GEN1108	Phương pháp NCKH	X			
2.	GEN1109	Leader Ship	X			

3	LAW1501	Luật doanh nghiệp		X		
4	LAW1502	Luật hợp đồng		X		
5	LAW1102	Pháp luật về tài sản		X		
6	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ		X		
7	LAW1505	Luật đất đai		X		
8	LAW1518	Luật kinh doanh quốc tế		X		
9	LAW1510	Luật thương mại quốc tế		X		
10	BC 01	Thực tập tốt nghiệp		X		
11	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp		X		

Các chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình CNTN Ngành Luật Thương mại quốc tế như sau

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn so với sinh viên chính quy. Chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên CNTN là TOEIC 550 so với sinh viên thường là 500.

- Kỹ năng trình bày và thuyết trình bằng tiếng Anh tốt. Số sinh viên CNTN viết luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh và trình bày báo cáo luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh: 100 %

- Kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm tin học trong công việc được rèn luyện và tăng cường.

- Các kỹ năng mềm được nâng cao và được rèn luyện, trong đó chú trọng kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTN phải tham gia nghiên cứu khoa học (tối thiểu phải có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường).

Điểm khác biệt về tổ chức giảng dạy- NCKH sinh viên lớp CNTN Ngành Luật Thương mại quốc tế:

– Sinh viên lớp CNTN ngành luật thương mại quốc tế sẽ học các môn tài năng với sinh viên lớp CLC (có 2 môn chuyên biệt là Phương pháp nghiên cứu khoa học và Leader Ship sẽ được giảng dạy riêng cho sinh viên tài năng của toàn trường) và 2/3 các môn này được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh hoặc Song ngữ.

– Trong nội dung giảng dạy của các môn tài năng luôn được thiết kế phần kiến thức chuyên sâu được giảng dạy riêng cho sinh viên tài năng. Đồng thời giảng viên sẽ xây

dụng các hoạt động chuyên môn nhằm có căn cứ để đánh giá mức độ đáp ứng của các sinh viên tài năng (chiếm 25% tổng số điểm của môn học).

– Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên: sinh viên CNTN từ cuối năm thứ 2, nếu có nguyện vọng, có thể được tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTN phải tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học trong năm thứ 3.

– Tất cả các sinh viên tài năng của ngành bắt buộc phải làm Khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng anh và bảo vệ trực tiếp trước Hội đồng chuyên môn của khoa.

2. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

(1) Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo theo chuyên ngành luật thương mại quốc tế, trên cơ sở các môn học có tính chất định hướng kiến thức chung, sinh viên sẽ nắm bắt được các kiến thức về kinh tế-xã hội và cả kiến thức về luật pháp liên quan kinh tế.

(2) Sinh viên sẽ nắm bắt được những quy định của Hiến pháp là cơ sở, nguyên tắc chung cho việc xây dựng các quy phạm pháp luật về kinh doanh thương mại khác.

(3) Nắm bắt được quy định của các đạo luật cụ thể điều chỉnh trực tiếp các hoạt động kinh doanh thương mại đặc biệt là thương mại quốc tế như Luật doanh nghiệp; Luật thương mại nói chung và Luật thương mại quốc tế, Luật hợp đồng thương mại quốc tế, Luật hàng hải, Luật thương mại EU, Luật thương mại Hoa Kỳ... Các đạo luật khác liên quan đến lĩnh vực pháp luật quốc tế: Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế...

(4) Nắm bắt được những kỹ năng cơ bản trong tư vấn, thực hành luật đặc biệt đối với những tình huống liên quan đến lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế

Chuẩn đầu ra:

A. Kiến thức

A.1 Nắm vững kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Luật, Kinh tế.

A.2 Có kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

A.3 Sinh viên ngành Luật kinh doanh nắm vững các kiến thức chuyên ngành về Luật kinh doanh cũng như các kiến thức nền tảng về kinh tế

A.4 Có năng lực vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật. Am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động dân sự, tài chính - ngân hàng – chứng khoán, kinh doanh, thương mại trong nước cũng như thế giới.

A.5 Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội.

A.6 Có kiến thức cơ bản để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý.

B. Kỹ năng

B.1 Kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo cũng như kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm có hiệu quả cao.

B.2 Kỹ năng lập luận, thuyết trình, viết báo cáo.

B.3 Kỹ năng tư duy, tham gia nghiên cứu khoa học, thực nghiệm và ứng dụng

B.4 Có khả năng tư vấn pháp luật, tham gia các phiên tòa, giải quyết các vụ án, vụ việc một cách hiệu quả.

C. Trình độ ngoại ngữ, tin học

C.1 Có trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 4 kỹ năng (Nghe đọc: 550, Nói viết: 221)

C.2 Có trình độ tin học văn phòng tương đương trình độ B, biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành.

D. Cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên ngành Luật sau khi ra trường sẽ có thể làm việc tại:

D.1 Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nước cũng như nước ngoài;

D.2 Các văn phòng tư vấn pháp luật, công ty luật trong nước và quốc tế;

D.3 Các cơ quan nhà nước: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra, UBND các cấp, sở ban ngành tại các địa phương...

D.4 Các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức hợp tác quốc tế...

E. Thái độ

E.1 Có phẩm chất, đạo đức tốt.

E.2 Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

E.3 Chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, có lòng yêu nước và tinh thần khoan dung đối với các dị biệt về ngôn ngữ và văn hóa trong giao tiếp.

E.4 Có ý thức vượt khó, tinh thần và trách nhiệm cao trong học tập và công tác.

F. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

F.1 Tiếp tục học tập nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (trong và ngoài nước) về các chuyên ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế;

F.2 Có đủ năng lực tiếp tục các khóa đào tạo ngắn hạn cũng như dài hạn về các kiến thức nghiệp vụ chuyên môn.

F.3 Đủ năng lực để nghiên cứu chuyên sâu về khoa học pháp lý cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

– Ma trận chuẩn đầu ra-mục tiêu đào tạo:

(MTĐT: Mục tiêu đào tạo; CDR: Chuẩn đầu ra)

MTĐT CDR	(1)	(2)	(3)	(4)
A1	X	X	X	
A2	X	X	X	
A3	X		X	
A4				X
A5	X			
A6	X			X
B1				X
B2				X
B3				X
B4				X
C1				X
C2				X
D1	X	X	X	X
D2	X	X	X	X
D3	X	X	X	X
D4	X	X	X	X
E1				
E2				
E3				
E4				
F1	X	X	X	X
F2	X	X	X	X
F3	X	X	X	X

3. Ma trận chuẩn đầu ra

(MH: Môn học; CDR: Chuẩn đầu ra)

	CDR																								
	MÔN	A 1	A 2	A 3	A 4	A 5	A 6	B 1	B 2	B 3	B 4	C 1	C 2	D 1	D 2	D 3	D 4	E 1	E 2	E 3	E 4	F 1	F 2	F 3	
HK I	Kinh tế học vi mô	X		X																		X	X		
	Những nguyên lý cơ bản của ML					X				X							X	X	X	X	X				
	Lý luận về NN và PL	X	X			X		X			X							X	X	X		X	X	X	
	Quản trị học căn bản	X			X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
	Tâm lý học đại cương (TC)					X		X										X	X	X	X				
	Nhập môn khoa học giao tiếp (TC)					X	X	X	X		X														
HK II	Kinh tế học vĩ mô	X		X																		X	X		
	Tư tưởng HCM					X				X							X	X	X	X	X				
	Luật hiến pháp VN	X	X			X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Những vấn đề chung về LDS	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X	X				X	X	X	
	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	X	X			X		X			X							X	X	X		X	X	X	
	Địa chính trị thế giới (TC)					X																			
	Quan hệ quốc tế (TC)					X	X					X	X		X		X								
	Văn hóa học (TC)					X		X										X	X	X	X				
	Xã hội học (TC)					X		X										X	X	X	X				
HK III	Luật Tài sản	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X				X	X	X	
	Luật hành chính	X	X			X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Luật doanh nghiệp	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
	Đường lối cách mạng ĐCSVN					X				X							X	X	X	X	X				
	Luật hợp đồng	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

HK VI	Tổ tụng hình sự	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X	X				X	X	X	
	Luật thuế	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
	Luật lao động	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
	Luật kinh doanh quốc tế	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
	Luật hàng hải	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
	Giải quyết tranh chấp TMQT theo cơ chế WTO (TC)	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X						X	X	X
	Pháp luật về phòng vệ thương mại (TC)	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X						X	X	X
	Trọng tài TMQT (TC)	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan (TC)	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X						X	X	X	
HK VI	Luật ngân hàng	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X		X	X	X		
	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	X			X		X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	Luật sở hữu trí tuệ	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X		X	X	X		
	Luật môi trường	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X		X	X	X		
HK VIII	Thực tập tốt nghiệp				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
	Khoá luận TN	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X					X	X	X	

Ma trận chuẩn đầu ra cho môn học tài năng:

	MÔN	CDR																							
		A 1	A 2	A 3	A 4	A 5	A 6	B 1	B 2	B 3	B 4	C 1	C 2	D 1	D 2	D 3	D 4	E 1	E 2	E 3	E 4	F 1	F 2	F 3	
HK III	Luật Tài sản	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X					X	X	X
	Luật doanh nghiệp	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X
	Luật hợp đồng	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X
	Phương pháp nghiên cứu khoa học								X	X	X		X					X							
HK IV	Luật đất đai	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X
HK V	Luật thương mại quốc tế	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						X	X	X
	Leader Ship																								
HK VI	Luật kinh doanh quốc tế	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X
HK VI	Luật sở hữu trí tuệ	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X
HK VIII	Thực tập tốt nghiệp				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
	Khoá luận TN	X	X	X	X			X	X	X	X			X	X	X	X						X	X	X

4. Đề cương môn học: theo file đính kèm

5. Lý lịch khoa học của Giảng viên: theo file đính kèm

6. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:**6.1 Giảng viên cơ hữu**

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
1	Dương Anh Sơn	PGS	TS	16	02
2	Châu Thị Khánh Vân		TS	10	0
3	Nguyễn Ngọc Thứ		ThS	04	0
4	Đào Thị Thu Hằng		ThS	14	0
5	Bùi Thị Hằng Nga		ThS	12	0
6	Nguyễn Thị Thu Trang		ThS	12	0
7	Phạm Xuân Hoàng		ThS	02	0
8	Trịnh Thục Hiền		ThS	05	0
9	Trương Trọng Hiếu		ThS	14	0
10	Giản Thị Lê Na		ThS	05	0
11	Nguyễn Trường Ngọc		ThS	03	0
12	Đào Gia Phúc		ThS	05	01
13	Vũ Kim Hạnh Dung		ThS	03	02
14	Nguyễn Phan Phương Tần		ThS	04	0
15	Nguyễn Thị Phương Thảo		ThS	03	0
16	Trần Đức Tuấn		ThS	05	01
17	Nguyễn Thị Lâm Nghi		ThS	04	0

18	Phan Thị Hương Giang		ThS	01	0
19	Bùi Nguyễn Trà My		ThS	00	00
20	Bùi Lê Thục Linh		ThS	01	00

6.2 Giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, học hàm, học vị	Năm được cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học, học phần sẽ giảng dạy
1	Mai Hồng Quý	1959	PGS. TS	2002	15 năm	Luật thương mại quốc tế
2	Lê Thị Bích Thọ	1954	PGS.TS	2002	20 năm	Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh
3	Tô Bình Minh	1967	TS	2005	10 năm	Tập quán thương mại quốc tế
4	Nguyễn Thị Thủy	1970	TS	2009	10 năm	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
5	Đặng Quốc Chương	1975	ThS	2008	7 năm	Luật cạnh tranh

7. Danh sách Cố vấn học tập

STT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành, chuyên ngành	vị trí công tác	Ghi chú
1	Đào Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Giảng viên	
2	Phạm Xuân Hoàng	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Giảng viên	
3	Trương Trọng Hiếu	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
4	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
5	Nguyễn Trường Ngọc	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
6	Vũ Kim Hạnh Dung	Thạc sĩ	Luật TMQT	Trưởng Khoa	
7	Giản Thị Lê Na	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Giảng viên	

8	Châu Thị Khánh Vân	TS	Luật Kinh tế	P.Trưởng khoa	
9	Bùi Thị Hằng Nga	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Giảng viên	
10	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Giảng viên	
11	Nguyễn Ngọc Thứ	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Giảng viên	
12	Phan Thị Hương Giang	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Giảng viên	
13	Nguyễn Thị Lâm Nghi	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
14	Đào Gia Phúc	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
15	Nguyễn Minh Bách Tùng	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
16	Bùi Lê Thục Linh	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
17	Bùi Nguyễn Trà My	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	
18	Trịnh Thục Hiền	Thạc sĩ	Luật TMQT	Giảng viên	

8. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

8.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

TT	TÊN PTN	ĐỊA ĐIỂM	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	GHI CHÚ
1	Phòng máy 1	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
2	Phòng máy 2	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
3	Phòng máy 3	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
4	Phòng máy 4	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
5	Phòng thực hành luật (Clinical legal education)	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	

8.2 Thư viện

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

8.3 Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Luật TMQT	Giáo trình Luật TMQT	Dương Anh Sơn	CTQG	2009
2	Luật cạnh tranh	Giáo trình Luật cạnh tranh	Nguyễn Ngọc Sơn	ĐHQG	2010
3	Luật dân sự	Giáo trình Luật dân sự	Đại học Luật Hà Nội	CAND	2007
4	Luật đất đai	Giáo trình Luật đất đai	Đại học Luật Hà Nội	CTQG	2008
5	Luật quốc tế	Giáo trình Luật quốc tế	Đại học Luật Hà Nội	CAND	2007
6	Tư pháp quốc tế	Giáo trình tư pháp quốc tế	Đại học Luật Hà Nội	CAND	2007
7	Luật thương mại	Giáo trình Luật thương mại	Đại học Luật Hà Nội	CTQG	2008
8	Phá sản và giải quyết tranh chấp	Giáo trình Luật thương mại học phần 3	Đại học Luật Hà Nội	CTQG	2008
9	Luật sở hữu trí tuệ	Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ	Đại học Luật Hà Nội	CTQG	2009
		The law of property	Lawson, F. H.	New York, NY. : Oxford,	2002
10	Luật hành chính	Giáo trình Luật hành chính	PGS.TS Nguyễn Cửu Việt	CTQG	2005
11	Luật Hiến pháp	Giáo trình Luật Hiến pháp	Đại học Luật Hà Nội	CAND	2008
12	Luật môi trường	Giáo trình Luật môi trường	Đại học Luật Hà Nội	CAND	2008
13	Luật tài chính	Giáo trình Luật tài chính	Đại học Luật Hà Nội	CAND	2007
14	Luật ngân hàng	Giáo trình Luật ngân hàng	Đại học Luật Hà Nội	CAND	2006
15	Luật tố tụng hình sự	Giáo trình Luật tố tụng hình sự	Đại học Luật Hà Nội	CTQG	2007

16	Luật tố tụng dân sự	Giáo trình Luật tố tụng dân sự	Đại học Luật Hà Nội	CTQG	2008
17	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	Văn hóa - Thông tin	2005
18	Quản trị học căn bản	Quản trị học	Hà Nam Khánh Giao	LĐ-XH	2005
19	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Luân	Thống kê	2004
20	Phương pháp nghiên cứu KH	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GS.TS. Nguyễn Thị Cành	ĐHQG-HCM	2007
21	Logistics	Logistics những vấn đề cơ bản	GS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	2007
22	Địa-chính trị thế giới	Bài giảng Địa-chính trị thế giới		Học viện CTQG, Hà nội	2000
23	Thương Mại Điện Tử	Tài liệu môn Thương Mại Điện Tử	Ths. Lâm Tường Thoại,	ĐHQG TP. HCM	2006
24	Luật Hình Sự	Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần các tội phạm	Lê Cẩm	CAND	2004
25	Luật tố tụng hình sự	Giáo trình Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam	Nguyễn Ngọc Chí	ĐHQG HN	2001
26	Tư pháp quốc tế	Giáo trình tư pháp quốc tế	Nguyễn Bá Diển	ĐHQG HN	2001
27	Luật thương mại quốc tế	The World Trade Organization: Law, Practice, and Policy	Mitsuo Matsushita, Thomas J. Schoenbaum, Petros C. Mavroidis, Michael Hahn	Oxford University press	2015
28		Essentials of WTO Law	Peter Van den Bossche, Denise Prévost	Oxford University press	2016
29	Kinh doanh quốc tế	Textbook International Trade and Business Law	Hanoi Law University	The People's Public Security	2012

				Publishing House	
		Giáo trình Luật Thương mại Quốc tế,	PGS. TS. Trần Văn Nam	Đại học Kinh tế Quốc dân	2017
30	Logistics	Quản Trị Logistics	GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân	ĐH Kinh tế Tp.HCM	2004

**TM BCN KHOA
TRƯỞNG KHOA**

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS DƯƠNG ANH SƠN

PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

PHỤ LỤC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC TÀI NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TÀI NĂNG NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

SỐ TT	MÔN HỌC
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học
2	Leader Ship
3	Luật Doanh nghiệp
4	Luật hợp đồng
5	Pháp Luật về tài sản
6	Luật sở hữu trí tuệ
7	Luật đất đai
8	Luật kinh doanh quốc tế
9	Luật Thương mại quốc tế
10	Thực tập tốt nghiệp
11	Khóa luận tốt nghiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: LUẬT DOANH NGHIỆP

+ Tiếng Anh: CORPORATE LAW

- Mã số môn học:

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

X Kiến thức cơ bản

Kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức chuyên ngành

Kiến thức khác

Môn học chuyên về kỹ năng chung

Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 03

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Thực hành

- Môn học tiên quyết/Môn học trước: Lý luận về nhà nước và pháp luật, Những vấn đề chung về Luật dân sự

- Môn học song hành: Luật tài sản, Luật hợp đồng

2. Mô tả môn học

Môn Luật doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ thể kinh doanh, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp, những vấn đề pháp lý trong quan hệ nội bộ doanh nghiệp.

3. Tài liệu học tập

Giáo trình chính	1.	Giáo trình Luật Thương mại 1 của Trường ĐH Luật Hà Nội
	2.	Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh, ĐH Luật Tp.HCM

<p>Tài liệu tham khảo</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. PGS.TS Phạm Duy Nghĩa (2015), Luật kinh tế, NXB Công an nhân dân 2. ThS.Đào Thị Thu Hằng (chủ biên) (2015), Sách tham khảo: Pháp luật về Chủ thể kinh doanh, NXB ĐHQG TP HCM. 3. Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Cung (2013), Công ty vốn, quản lý và tranh chấp theo Luật doanh nghiệp 2005, NXB Tri thức 4. Trương Nhật Quang (2016), Pháp luật về doanh nghiệp - Các vấn đề pháp lý cơ bản, NXB Dân trí 5. ThS Bùi Thị Hằng Nga (chủ biên) (2017) Pháp luật doanh nghiệp: Quy định và tình huống
<p>Văn bản pháp luật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp 2014. - Luật Đầu tư 2014. - Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp. - Nghị định 81/2015/NĐ-CP về công bố thông tin doanh nghiệp - Nghị định 93/2015/NĐ-CP về doanh nghiệp an ninh quốc phòng. - Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. - Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Đầu tư 2014. - Thông tư 127/2015/TT-BTC hướng dẫn cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp - Công văn 4211/BKHĐT-ĐKKD hướng dẫn áp dụng quy định về đăng ký doanh nghiệp

4. Mục tiêu môn học

(các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học.

CĐR Môn học (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (3)
G.1: Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học nắm bắt được những vấn đề pháp lý cơ bản về doanh nghiệp - Giúp người học hiểu được quyền tự do kinh doanh - Giúp người học hiểu và phân biệt được các loại hình doanh nghiệp -Giúp người học nắm được các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông công ty -Giúp người học có kiến thức về vấn đề quản lý công ty dưới góc độ pháp lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu cho người học lý luận chung về doanh nghiệp, đối chiếu với pháp luật doanh nghiệp Việt Nam (I) - Giảng giải, phân tích các quy định pháp luật (T)
G.2 Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các bài tập trên lớp và về nhà giúp sinh viên hình thành, rèn luyện các kỹ năng hành nghề luật -Qua các bài tập nhóm giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn vận dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống cụ thể (U) - Hướng dẫn làm việc nhóm hiệu quả
G.3 Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ học tập nghiêm túc, có tinh thần làm việc trách nhiệm, có ý thức chấp hành pháp luật 	

5. Chuẩn đầu ra môn học

(1) :Ký hiệu CDR của môn học

(2):Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

Mục tiêu (1)	Mô tả mục tiêu(2)	CDR của CTĐT (3)	TĐNL (4)
G.1	G.1.1 Giúp người học nắm được những vấn đề pháp lý cơ bản về doanh nghiệp như quy định về thành lập, tổ chức, quản lý, giải thể doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.	A1,A2,A3,A4,A6	Có thể nắm, hiểu, giải thích được quy định pháp luật
	G1.2 Hiểu và phân biệt được các loại hình doanh nghiệp, ưu điểm, hạn chế của từng loại hình doanh nghiệp	A1,A2,A3,A4,A6	
	G1.3 Nắm và hiểu được tất cả các quyền của chủ sở hữu/ thành viên /cổ đông doanh nghiệp: quyền tài sản (hưởng lợi nhuận, định đoạt phần vốn góp, quyền nhận lại tài sản theo tỷ lệ khi công ty giải thể, quyền ưu tiên mua cổ phần...), quyền quản lý công ty (họp ĐHĐCĐ/HĐTV, biểu quyết tại cuộc họp, đề cử người vào các chức danh quản lý,...), quyền khởi kiện các chức danh quản lý khi họ vi phạm nghĩa vụ... Nắm và hiểu được các nghĩa vụ của chủ sở hữu/thành viên,cổ đông doanh nghiệp	A1,A2,A3,A4,A6	
	G.1.4 Vận dụng những quy định luật doanh nghiệp để giải quyết được các vấn đề nội bộ doanh nghiệp: góp vốn và thoái vốn; chia lợi	A1,A2,A3,A4,A6,	

	nhuận/cổ tức; tổ chức các cuộc họp quan trọng trong doanh nghiệp; bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý công ty, giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ doanh nghiệp	B1,B2,B3, B4	tích quy định pháp luật, thực hành giải quyết tình huống pháp lý
	G.1.5Bổ sung CNTN: Có cái nhìn tổng quan và đối chiếu so sánh được giữa Luật doanh nghiệp VN với luật doanh nghiệp các nước; giữa các loại hình DN VN với các loại hình DN của một số nước trên thế giới	A1,A2,A3, A4,A6 C1	Có thể phân tích và đánh giá
G.2 Kỹ năng	G2.1 Có kỹ năng tư duy, phân tích quy định pháp luật và tình huống pháp lý tốt	B1,B3	Có thể phân tích và vận dụng
	G2.2 Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, lập luận, phản biện tốt	B1,B2,B3	
	G2.3 Có kỹ năng tư vấn pháp luật, tham gia giải quyết các vụ việc liên quan đến thành lập, tổ chức doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp mâu thuẫn nội bộ trong doanh nghiệp	B1,B2,B3, B4	
	G2.4Bổ sung CNTN: Kỹ năng bình luận bản án, đọc văn bản luật doanh nghiệp nước ngoài, viết tư vấn pháp lý liên quan đến doanh nghiệp bằng tiếng Anh	B1,B2,B3, B4, C1,C2	
G.3 Thái độ	G.3.1 Có thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm, tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm	E1,E2	Có thể hiểu và vận dụng
	G3.2 Có ý thức về quyền tự do kinh doanh của công dân	E1,E2,E3	

6.Đánh giá môn học

(các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá thể hiện sự tương quan với các CDR môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CDR môn học (G.x.x) (3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Giải quyết các tình huống pháp lý nhỏ sau khi nghiên cứu mỗi loại hình doanh nghiệp (làm việc theo nhóm tại lớp)	G.1.1, G.1.2, G.1.3, G.1.4,	10%
	A1.2 Phát biểu xây dựng bài	G.2.1, G.2.2, G.2.3, G.3.1	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Giảng viên đưa ra 1 vấn đề pháp lý để sinh viên viết bài luận thể hiện quan điểm về vấn đề đó (bài tập cá nhân, làm tại nhà)	G.2.1, G.2.2	15%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra viết theo lịch kiểm tra cuối kỳ chung của nhà trường. Bài kiểm tra gồm 2 phần: lý thuyết và tình huống	G.1.1, G.1.2, G.1.3, G.1.4, G.2.1, G.2.2, G.2.3	50%
A.4 Đánh giá phần nâng cao (Độ án/ Tiêu luận/bài tập nâng cao dành cho CNTN)	<i>A4.1 Sinh viên tìm một bản án về tranh chấp nội bộ doanh nghiệp, bình luận bản án đó, đồng thời đối chiếu với quy định của pháp luật nước ngoài (một nước theo hệ thống pháp luật Anh Mỹ hoặc một nước theo pháp luật châu Âu lục địa) để giải quyết tình huống pháp lý trong bản án đó.</i>	G.1.5, G.2.4	25%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Tuần (1)	Nội dung (2)	CDR môn học	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1 (tiết 1-3)	<p>Chương I: Khái quát chung về doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2014</p> <p>1.1 Khái niệm, đặc điểm, phân loại doanh nghiệp</p> <p>1.2 Thành lập và đăng ký doanh nghiệp</p> <p>1.3 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp</p>	G.1.1, G.1.2 G.3.2	<p>Dạy: Giới thiệu quy định pháp luật</p> <p>Học ở lớp: Phân tích các quy định pháp luật</p> <p>Học ở nhà: đọc trước văn bản pháp luật; so sánh luật doanh nghiệp hiện hành với các văn bản luật doanh nghiệp trước đó.</p> <p>CNTN: so sánh các loại hình doanh nghiệp theo pháp luật VN với các loại hình doanh nghiệp một số nước</p>	A1.2 A.2.1 A.3.1
2,3 (tiết 4-9)	<p>Chương 2: Doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh</p> <p>2.1 Doanh nghiệp tư nhân</p> <p>2.1.1 Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.1.2 Quyền của chủ doanh nghiệp tư nhân</p> <p>2.2 Hộ kinh doanh</p>	G.1.2, G.1.3, G.1.5, G.2.1, G.2.2, G.3.1	<p>Dạy: Trình bày, gợi mở, hướng dẫn sinh viên nắm bắt và phân tích các quy định về DNTN và hộ kinh doanh</p> <p>Học ở lớp: giải quyết bài tập tình huống nhỏ về DNTN</p> <p>Học ở nhà: Đọc trước văn bản pháp luật; So sánh DNTN với hộ kinh doanh; phân tích ưu nhược của loại hình DNTN</p> <p>CNTN: So sánh DNTN theo luật Việt Nam với loại hình cá nhân kinh doanh của một số nước</p>	A.1.1 A.1.2 A.2.1 A.3.1

<p>4,5 (tiết 10-15)</p>	<p>Chương 3: Công ty hợp danh</p> <p>3.1 Khái niệm, đặc điểm công ty hợp danh</p> <p>3.2 Địa vị pháp lý của thành viên công ty hợp danh</p> <p>3.3 Mô hình quản lý trong công ty hợp danh</p> <p>3.4 Tài chính trong công ty hợp danh</p>	<p>G.1.2, G.1.3, G.1.5, G.2.1, G.2.2, G.3.1</p>	<p>Dạy: Trình bày, gợi mở, hướng dẫn sinh viên nắm bắt và phân tích các quy định về Công ty hợp danh, đưa tình huống pháp lý và gợi ý giải quyết</p> <p>Học ở lớp: phân tích quy định pháp luật, giải quyết bài tập tình huống</p> <p>Học ở nhà: Đọc trước văn bản pháp luật; So sánh địa vị pháp lý TVHD và TVGV</p> <p>CNTN: Đánh giá quy định luật doanh nghiệp về công ty hợp danh, liên hệ so sánh với loại hình partnership</p>	<p>A.1.1 A.1.2 A.2.1 A.3.1</p>
<p>6,7,8,9(Tiết 16-27)</p>	<p>Chương 4: Công ty Trách nhiệm hữu hạn</p> <p>4.1 Công ty TNHH 2 thành viên trở lên</p> <p>4.1.1 Khái niệm, đặc điểm</p> <p>4.1.2 Thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên</p> <p>4.1.3 Mô hình quản lý công ty</p> <p>4.1.4 Tài chính trong công ty</p> <p>Ty</p> <p>4.2 Công ty TNHH 1 thành viên</p> <p>4.2.1 Khái niệm, đặc điểm</p> <p>4.2.2 Quyền chủ sở hữu công ty</p> <p>4.2.3 Mô hình quản lý công ty</p> <p>4.2.4 Tài chính trong công ty</p>	<p>G.1.2, G.1.3, G.1.4, G.1.5, G.2.1, G.2.2, G.2.3, G.2.4, G.3.1</p>	<p>Dạy: Trình bày, gợi mở, hướng dẫn sinh viên nắm bắt và phân tích các quy định về công ty TNHH; đưa tình huống pháp lý để sinh viên giải quyết</p> <p>Học ở lớp: Phân tích quy định pháp luật, giải quyết tình huống</p> <p>Học ở nhà: Đọc trước văn bản pháp luật; So sánh Công ty TNHH 2 thành viên trở lên với công ty TNHH 1 thành viên; so sánh công ty TNHH 1 thành viên với DNTN</p> <p>Viết bài luận lấy điểm giữa kỳ</p> <p>CNTN: So sánh công ty TNHH theo luật VN với công ty hữu hạn của một số nước</p>	<p>A.1.1 A.1.2 A.2.1 A.3.1 A.4.1</p>

<p>10,11,12,13 (Tiết 17-39)</p>	<p>Chương 5: Công ty cổ phần 5.1 Khái niệm, đặc điểm 5.2 Cổ phần, cổ phiế 5.3 Cổ đông công ty cổ phần 5.4 Mô hình quản trị công ty cổ phần 5.5 Tài chính trong công ty cổ phần</p>	<p>G.1.2, G.1.3, G.1.4, G.1.5, G.2.1, G.2.2, G.2.3, G.2.4, G.3.1</p>	<p>Dạy: Trình bày, gợi mở, hướng dẫn sinh viên nắm bắt và phân tích các quy định về Công ty cổ phần; đưa tình huống pháp lý cụ thể hướng dẫn sinh viên giải quyết Học ở lớp: phân tích quy định pháp luật, giải quyết tình huống Học ở nhà: đọc trước văn bản luật; so sánh công ty cổ phần với công ty TNHH CNTN: Phân tích, đánh giá mô hình quản trị công ty cổ phần, so sánh công ty cổ phần theo luật VN với loại hình doanh nghiệp tương tự ở một số nước</p>	<p>A.1.1 A.1.2 A.3.1 A.4.1</p>
<p>14 (Tiết 40-42)</p>	<p>Chương 6: Tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp 6.1 Tổ chức lại doanh nghiệp 6.1.1 Chia, tách DN 6.1.2 Sáp nhập, hợp nhất DN 6.2 Giải thể DN 6.3 Chuyển đổi DN</p>	<p>G.1.1</p>	<p>Dạy: Trình bày, gợi mở, hướng dẫn sinh viên nắm bắt và phân tích các quy định về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp Học ở lớp: Phân tích quy định pháp luật, so sánh các hình thức tổ chức lại DN Học ở nhà: Đọc trước văn bản luật; So sánh giải thể DN với phá sản DN với tạm ngừng kinh doanh CNTN: Nghiên cứu hoạt động M&A của DN</p>	<p>A.1.1 A.1.2 A.3.1</p>
<p>15 (Tiết 43-45)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập - Giải đáp các thắc mắc - Hướng dẫn quy định, nội dung kiểm tra cuối khóa - Trả điểm quá trình, giữa kỳ 		<p>Dạy: Hệ thống lại kiến thức, giải đáp thắc mắc Học: Đặt câu hỏi cho giảng viên, giải quyết các bài tập ôn tập</p>	

8. Quy định của môn học

- Sinh viên không có tên trong danh sách nhóm làm bài tập sẽ không có điểm quá trình
- Sinh viên nộp bài luận trễ hạn được xem như không nộp bài và sẽ không có điểm giữa kỳ

9. Phụ trách môn học

- Khoa/Bộ môn: Luật kinh tế/ Bộ môn Luật kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ: VP Khoa Luật kinh tế A210
email khoaluatkinhte@uel.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: LUẬT HỢP ĐỒNG
 - + Tiếng Anh: Contract Law
- Mã số môn học: LAW1502
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - Kiến thức cơ bản
 - Kiến thức chuyên ngành
 - Môn học chuyên về kỹ năng chung
 - Kiến thức cơ sở ngành
 - Kiến thức khác
 - Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 03
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết
- Môn học tiên quyết/Môn học trước:

Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, bao gồm:

 - Lý luận nhà nước và Pháp luật;
 - Pháp luật về Tài sản
 - Luật Doanh nghiệp
- Môn học song hành: không

2. Mô tả môn học

(vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)

Môn luật hợp đồng là môn cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Luật. nội dung bao gồm 2 phần chính:

- Phần thứ nhất “Lý luận về hợp đồng” bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.
- Phần thứ hai “Các hợp đồng thông dụng” sẽ giới thiệu cho người học một số loại hợp đồng được sử dụng phổ biến trong lưu thông dân sự và trong hoạt động kinh doanh thương mại. Trọng tâm của phần này được hướng đến việc phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hợp đồng mua bán, thuê tài sản...

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình chính	<ol style="list-style-type: none">1. Giáo trình Luật dân sự, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2006.2. PGS.TS Nguyễn Văn Luyện; PGS.TS Lê Thị Bích Thọ; TS. Dương Anh Sơn, Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM 2007.
-------------------------	---

<p>Tài liệu tham khảo</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dương Anh Sơn, <i>Tính quốc tế của hợp đồng mua bán hàng hoá ngoại thương</i>, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 6 (25)/2004. 2. Dương Anh Sơn - Lê Thị Bích Thọ, <i>Một số ý kiến về phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam</i>, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 1(26)/2005. 3. Dương Anh Sơn, <i>Các thoả thuận hạn chế và miễn trừ trách nhiệm</i>, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 3/2005. 4. Dương Anh Sơn, <i>Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ</i>. Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4/2006 5. Dương Anh Sơn, <i>Bàn về khoản 3 Điều 1 Luật thương mại 2005</i>. Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 12/2006. 6. Dương Anh Sơn, <i>Các quy định của Bộ luật dân sự 2005 về đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng - nhìn từ góc độ luật học so sánh</i>, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 6/2006. 7. Dương Anh Sơn - Nguyễn Ngọc Sơn, <i>Tác động của các hình thức lỗi đến xác định trách nhiệm hợp đồng nhìn từ góc độ nguyên tắc trung thực và thiện chí</i>. Tạp chí Khoa học pháp lý số 1/2007 8. Phạm Kim Anh, <i>Khái niệm lỗi trong trách nhiệm dân sự</i>, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 3 (18) 2004. 9. Phạm Duy Nghĩa, <i>Luật kinh tế</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003. 10. Lê Thị Bích Thọ, <i>Hợp đồng kinh tế vô hiệu</i>, NXB Chính trị Quốc gia, 2004. 11. Nguyễn Như Phát, Lê Thị Thu Thủy, <i>Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật hợp đồng ở Việt Nam hiện nay</i>, NXB Công an Nhân dân, 2003. 12. Hoàng Ngọc Thiết, <i>Tranh chấp từ hợp đồng xuất nhập khẩu. Án lệ trọng tài và kinh nghiệm</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002. 13. Corinne Renault-Brahinsky, <i>Đại cương về pháp luật hợp đồng</i>, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2002. 14. Ngô Huy Cương, <i>Tự do ý chí và sự tiếp nhận tự do ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay</i>. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 2(117) 2008. 15. Đỗ Văn Đại, <i>Điều khoản về pháp luật áp dụng cho hợp đồng</i>, Tạp chí Kiểm sát, số 01/2005 16. Đỗ Văn Đại, <i>Bàn về sự im lặng trong giao kết hợp đồng</i>, Tạp chí Kiểm sát, số 17(09/2006).
<p>Văn bản pháp luật</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật Dân sự năm 2005 2. Bộ luật Dân sự năm 2015 3. Luật Thương mại năm 1997 (hết hiệu lực từ ngày 1-1-2006). 4. Luật Thương mại 2005. 6. Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT 2004.

4. Mục tiêu môn học

4.1 Mục tiêu tổng quát

Cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về pháp luật hợp đồng thông qua việc phân tích pháp luật của Việt Nam trong, so sánh với pháp luật của các nước và đối chiếu với thực tiễn. Trên cơ sở đó trang bị cho người học các kỹ năng pháp lý trong việc đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng

4.2 Mục tiêu cụ thể (chuẩn đầu ra của môn học):

STT	Mục tiêu cụ thể	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
KIẾN THỨC	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các yêu cầu của pháp luật liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng - Hiểu các quy định của pháp luật về điều kiện để hợp đồng phát sinh hiệu lực cũng các trường hợp vô hiệu và hậu quả của nó. - hiểu các nguyên tắc giải thích trong trường hợp hợp đồng quy định không rõ ràng, thống nhất - Nắm vững và vận dụng vào thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng 	A1; A2; A3; A4; A5; A6
KỸ NĂNG	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương pháp thảo luận nhóm, làm các bài tập tình huống giúp cho học viên hiểu rõ các quy định pháp luật từ đó có thể phát huy các kinh nghiệm của bản thân và hình thành các kỹ năng cần thiết trong việc phân tích tình huống, giải quyết được các vấn đề pháp lý phát sinh. - Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt, thông qua việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ pháp lý, trình bày vấn đề một cách hệ thống, với những lập luận chặt chẽ, tư duy phân biện logic. Có khả năng trình bày trước đám đông nhằm thuyết phục cộng đồng nghiên cứu công nhận kết quả nghiên cứu của mình thông qua các tranh luận và phân biện khoa học. - Học viên nắm được cách thức chọn hướng và đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thực hiện và báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với yêu cầu đề án môn học. - Đọc và hiểu các tài liệu tiếng anh từ đó hình thành kỹ năng giao tiếp và nghiên cứu tài liệu nước ngoài góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng hành nghề trong tương lai. 	<p>B1; B2; B3; B4;</p> <p>C1; C2; C3;</p> <p>F1; F2; F3</p> <p>D1; D2; D3</p>
THÁI ĐỘ	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức chấp hành tốt các quy định pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thân chủ - Tôn trọng vai trò tối thượng của pháp luật - Có ý thức vượt khó, tinh thần và trách nhiệm cao trong công việc - Phát triển thái độ học tập đúng mực, hăng say cũng như thúc đẩy quá trình hình thành nhân cách của người hành nghề luật 	E1; E2; E3

5. Đánh giá môn học

5.1 Phương pháp đánh giá

LOẠI HÌNH ĐÁNH GIÁ (ASSESSMENT TYPES)		MÔ TẢ (ASSESSMENT EVIDENCE)
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH (10%)	CHUẨN BỊ BÀI	10% Đọc tài liệu và văn bản trước Sẵn sàng trả lời các câu hỏi thảo luận được đặt ra
	PHÁT BIỂU	Nhận diện được vấn đề pháp lý và các quy định pháp luật để xác định đúng/ sai với vấn đề được nêu
	THUYẾT TRÌNH HOẶC THẢO LUẬN NHÓM	15% Đánh giá sự chuẩn bị nội dung theo sự phân chia mặc định của các nhóm. Đánh giá kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải những nội dung môn học. Đánh giá được khả năng tương tác trực tiếp giữa học viên với nhau, với giảng viên nhằm củng cố kiến thức, đón nhận những phát hiện mới với tinh thần cầu thị. Đánh giá được khả năng nội hóa tri thức của học viên từ quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và tố chất cá nhân được phối hợp.
ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ (15%)	(Mỗi nhóm được phân chia một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Theo thời gian phân bổ, nhóm sẽ có 45 phút để thuyết trình và tương tác, phản biện trước lớp học)	
ĐÁNH GIÁ CNTN (25%)	ĐỀ ÁN HỌC PHẦN (ĐỀ TÀI/ TIỂU LUẬN) Bình luận bản án, phán quyết của tòa án liên quan đến quản trị công ty	25% Đánh giá khả năng hiểu, trình bày mạch lạc, cấu trúc hợp lý logic một bài tiểu luận theo các nội dung: Cơ sở lý thuyết, Thực trạng vấn đề và đề xuất cá nhân.
		Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ, kỹ năng viết một báo cáo khoa học.
		Đánh giá khả năng tích lũy, cập nhật các tri thức mới, nội hóa các tri thức đã được trao đổi, tranh luận và phản biện từ các nội dung đã thuyết trình.
		Kỹ năng trình bày một báo cáo khoa học có hình thức phù hợp, sử dụng tài liệu tham khảo và trích nguồn theo qui chuẩn khoa học.
ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ (50%)	BÀI THI TỰ LUẬN	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của học viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học.
		Đánh giá được khả năng tư duy logic, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý thuyết với thực tế để diễn giải một vấn đề của môn học.
		Đánh giá khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề pháp lý

		Đánh giá khả năng trình bày một bài viết bằng văn phong pháp lý, logic, có khả năng thuyết phục cũng như vận dụng kiến thức sâu rộng để giải quyết vấn đề.

5.2 Tiêu chí đánh giá

Score Tiêu chí (Thang Bloom) đo	<5	5-<7	7-<9	9 - 10
Phát biểu	Trả lời đúng, sai một cách thiếu chắc chắn	Trả lời đúng, sai + Giải thích chưa chặt chẽ.	Trả lời đúng, sai + Giải thích được	Trả lời đúng, sai + Giải thích thấu đáo
Thảo luận	Thiếu sự chuẩn bị Trình bày thiếu rõ ràng Nội dung, thuyết trình và phản biện còn thiếu và yếu	Mức độ chuẩn bị, hình thức trình bày, nội dung, kỹ năng thuyết trình và phản biện chỉ ở mức đạt yêu cầu cơ bản	Có sự chuẩn bị đầy đủ Hình thức rõ ràng Thuyết trình rõ ràng Nội dung giải quyết gần như đầy đủ vấn đề Phản biện chưa thật sự thuyết phục (chưa tạo ra được sự tương thích giữa bên đặt câu hỏi- bên phản biện)	Chuẩn bị tốt Hình thức chính chu, trình bày thu hút Thuyết trình rõ ràng Nội dung giải quyết đầy đủ vấn đề Phản biện chặt chẽ, hiệu quả
Tiểu luận	Chưa giải quyết tốt nội dung vấn đề đặt ra Chưa đáp ứng được các yêu cầu đặt ra	Phân tích đạt yêu cầu Xác định được hướng xử lý tình huống đúng quy định, nhưng chưa đưa ra được phương án thuyết phục và thực sự hiệu quả	Năng lực tổng hợp tốt Phân tích đúng và đầy đủ Tư duy chưa thật sự rõ ràng, logic	Phân tích tốt Tư duy nhạy bén Lập luận logic, thuyết phục
Thi cuối kỳ	Đúng < 50% đáp án.	Đúng 50-70% đáp án Có liệt kê cơ sở pháp lý nhưng	Đúng 70- 80% đáp án Nêu đầy đủ cơ sở pháp lý. Phân	- Đúng 90-100% đáp án. - Nêu đầy đủ cơ sở pháp lý. Phân tích

	Câu trả lời không phân tích; không nêu cơ sở pháp lý Hình thức trình bày không rõ ràng, thiếu logic	thiếu phân tích thấu đáo Hình thức trình bày không chặt chẽ, chưa thuyết phục	tích rõ ràng Hình thức trình bày tốt, ngắn gọn, dễ hiểu	sâu, logic và thể hiện được sự sáng tạo của cá nhân Hình thức trình bày ngắn gọn, rõ ràng, sạch sẽ, dễ hiểu và hiệu quả.
--	--	--	--	---

6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

TUẦN WEEK	NỘI DUNG CONTENT	MÔ TẢ NỘI DUNG CHAPTER DESCRIPTION	HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES	HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ ASSESSMENT EVIDENCE
TUẦN 1-2	CHƯƠNG 1. NGHĨA VỤ DÂN SỰ:	1.1 Khái niệm, đặc điểm và các thành phần của quan hệ nghĩa vụ 1.2 Căn cứ phát sinh nghĩa vụ 1.3 Phân loại nghĩa vụ 1.3.1 Nghĩa vụ riêng rẽ 1.3.2 Nghĩa vụ liên đới 1.3.3 Nghĩa vụ không phân chia được theo phần 1.3.4 Nghĩa vụ bổ sung 1.4 Thay đổi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ 1.4.1 Chuyển giao quyền yêu cầu 1.4.2 Chuyển giao nghĩa vụ 1.5 Thực hiện nghĩa vụ dân sự 1.5.1 Khái niệm 1.5.2 Nguyên tắc 1.5.3 Nội dung thực hiện 1.6 Chấm dứt nghĩa vụ	Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint, bài tập tình huống Tương tác với học viên thông qua các câu hỏi, và các tranh chấp thực tế.	Trao đổi các kiến thức trong chương. Chia sẻ và đánh giá các tình huống minh họa.
TUẦN 4-5	Chương 2. KHÁI QUÁT HỢP ĐỒNG	2.1 Khái niệm, đặc điểm 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Đặc điểm 2.2 Tự do hợp đồng 2.2.1 Khái niệm	Thuyết giảng, giới thiệu vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Nhóm trình bày đề tài thuyết trình về vấn đề có liên quan	Các nhóm đưa ra phương án giải quyết dựa trên quy định pháp luật và khả năng áp dụng pháp luật

		<p>2.2.2 Nội dung</p> <p>2.2.3 Mối liên hệ giữa tự do hợp đồng và tự do cạnh tranh</p> <p>2.3 Nội dung và hình thức của hợp đồng</p> <p>2.3.1 Nội dung của hợp đồng</p> <p>2.3.2 Hình thức của hợp đồng</p> <p>2.4 Phân loại hợp đồng</p> <p>2.4.1 Hợp đồng song vụ và hợp đồng đơn vụ</p> <p>2.4.2 Hợp đồng chính và hợp đồng phụ</p> <p>2.4.3 Hợp đồng có điều kiện và hợp đồng không có điều kiện</p> <p>2.4.4 Hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại</p> <p>2.4.5 Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba</p>	<p>đến quy định của pháp luật</p> <p>Tương tác với học viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.</p> <p>Các nhóm học viên sẽ cùng trao đổi và nhận xét.</p>	<p>Trao đổi các kiến thức môn học</p> <p>Đánh giá các tình huống minh họa.</p>
TUẦN 6-7	<p>Chương 3. GIAO KẾT HỢP ĐỒNG</p>	<p>3.1. Nguyên tắc</p> <p>3.1.1 Trung thực thiện chí</p> <p>3.1.2 Tự do giao kết</p> <p>3.2. Trình tự giao kết</p> <p>3.2.1 Đề nghị giao kết hợp đồng</p> <p>3.2.2 Chấp nhận đề nghị giao kết</p> <p>3.2.3 Thời điểm giao kết hợp đồng</p> <p>3.3 Ký kết hợp đồng theo mẫu</p> <p>3.4 Giải thích hợp đồng</p>	<p>Nhóm thuyết trình đưa ra phương án giải quyết đối với tình huống tranh chấp được phân công</p> <p>Tương tác với học viên thông qua các câu hỏi, phân tích và bình luận các quy định của pháp luật có liên quan</p> <p>Các nhóm học viên sẽ cùng trao đổi và nhận xét, phản biện.</p>	<p>Các nhóm đưa ra phương án giải quyết dựa trên quy định pháp luật và khả năng áp dụng pháp luật</p> <p>Trao đổi các kiến thức môn học</p> <p>Đánh giá phương án xử lý tình huống</p> <p>Phân tích và bình luận các quy định pháp luật có liên quan</p>
TUẦN 8-9	<p>Chương 4. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG</p>	<p>4.1 Các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng</p> <p>4.1.1 Chủ thể hợp pháp</p> <p>4.1.2 Nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội</p>	<p>Nhóm thuyết trình đưa ra phương án giải quyết đối với tình huống tranh chấp được phân công</p> <p>Tương tác với học viên thông qua các câu hỏi, phân tích</p>	<p>Các nhóm đưa ra phương án giải quyết dựa trên quy định pháp luật và khả năng áp dụng pháp luật</p> <p>Trao đổi các kiến thức môn học</p>

		<p>4.1.3 Người tham gia giao kết hợp đồng phải hoàn toàn tự nguyện</p> <p>4.1.4 Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật</p> <p>4.2 Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu</p> <p>4.3 Thời hiệu yêu cầu toà án hợp đồng vô hiệu</p>	<p>và bình luận các quy định của pháp luật có liên quan</p> <p>Các nhóm học viên sẽ cùng trao đổi và nhận xét, phản biện.</p>	<p>Đánh giá phương án xử lý tình huống</p> <p>Phân tích và bình luận các quy định pháp luật có liên quan</p>
TUẦN 10-11	Chương 5: CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	<p>5.1 - Khái niệm, đặc điểm và những quy định chung về các biện pháp bảo đảm</p> <p>5.1.1 Khái niệm</p> <p>5.1.2 Đặc điểm</p> <p>5.1.3 Những quy định chung</p> <p>5.2 Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng</p> <p>5.2.1 Cầm cố</p> <p>5.2.2 Thế chấp</p> <p>5.2.3 Đặt cọc</p> <p>5.2.4 Ký cược</p> <p>5.2.5 Ký quỹ</p> <p>5.2.6 Bảo lãnh</p> <p>5.2.7 Tín chấp</p> <p>5.2.8 Bảo lưu quyền sở hữu</p> <p>5.2.9 Cầm giữ tài sản</p>	<p>Nhóm thuyết trình đưa ra phương án giải quyết đối với tình huống tranh chấp được phân công</p> <p>Tương tác với học viên thông qua các câu hỏi, phân tích và bình luận các quy định của pháp luật có liên quan</p> <p>Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi và nhận xét, phản biện.</p>	<p>Các nhóm đưa ra phương án giải quyết dựa trên quy định pháp luật và khả năng áp dụng pháp luật</p> <p>Trao đổi các kiến thức môn học</p> <p>Đánh giá phương án xử lý tình huống</p> <p>Phân tích và bình luận các quy định pháp luật có liên quan</p>

<p style="text-align: center;">TUẦN 12-13</p>	<p>Chương 6. THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI, TẠM NGỪNG, ĐÌNH CHỈ, HUỖ HỢP ĐỒNG</p>	<p>6.1 Thực hiện hợp đồng 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Nguyên tắc thực hiện hợp đồng 6.1.3 Nội dung thực hiện 6.1.4 Bắt buộc thực hiện hợp đồng khi có sự vi phạm 6.2 Sửa đổi hợp đồng 6.3 Tạm ngừng hợp đồng 6.4 Đình chỉ hợp đồng 6.5 Huỷ hợp đồng</p>	<p>Nhóm thuyết trình đưa ra phương án giải quyết đối với tình huống tranh chấp được phân công Tương tác với học viên thông qua các câu hỏi, phân tích và bình luận các quy định của pháp luật có liên quan Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi và nhận xét, phản biện.</p>	<p>Các nhóm đưa ra phương án giải quyết dựa trên quy định pháp luật và khả năng áp dụng pháp luật Trao đổi các kiến thức môn học Đánh giá phương án xử lý tình huống Phân tích và bình luận các quy định pháp luật có liên quan</p>
<p style="text-align: center;">TUẦN 14-15</p>	<p>Chương 7. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG</p>	<p>7.1 Khái niệm trách nhiệm dân sự và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng 7.2 Hình thức của trách nhiệm hợp đồng 7.2.1 Bồi thường thiệt hại 7.2.2 Phạt vi phạm 7.3 Các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng 7.4 Các trường hợp miễn trừ chịu trách nhiệm</p>	<p>Nhóm thuyết trình đưa ra phương án giải quyết đối với tình huống tranh chấp được phân công Tương tác với học viên thông qua các câu hỏi, phân tích và bình luận các quy định của pháp luật có liên quan Các nhóm còn lại sẽ cùng trao đổi và nhận xét, phản biện.</p>	<p>Các nhóm đưa ra phương án giải quyết dựa trên quy định pháp luật và khả năng áp dụng pháp luật Trao đổi các kiến thức môn học Đánh giá phương án xử lý tình huống Phân tích và bình luận các quy định pháp luật có liên quan</p>

7. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

Tuần	Nội dung bổ sung dành cho cử nhân tài năng	Chuẩn đầu ra chi tiết	Hoạt động đánh giá
Tuần 9 tuần 15	<p>- Thành lập nhóm và thực hiện đề tài/ bài tập nâng cao theo sự phê duyệt của giảng viên.</p> <p>- Các Đề tài/ bài tập nâng cao nhằm nâng cao kỹ năng thực hành và nghiên cứu luật.</p> <p>Như: đọc, dịch tài liệu và phân tích về học thuyết Consideration (nghĩa vụ đối ứng). dung lượng tối thiểu 5000 từ.</p> <p>Bình luận các bản án về các vấn đề liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng</p> <p>Đánh giá các rủi ro pháp lý của quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng trên thực tiễn</p>	<p>Trang bị tư duy để giải quyết các vụ việc có vấn đề phức tạp hơn.</p> <p>Bên cạnh đó, hướng dẫn các em biết cách nhận ra các vấn đề pháp lý, các điểm chưa phù hợp của pháp luật và đưa ra các giải pháp khắc phục để khắc phục các điểm chưa phù hợp của pháp luật.</p> <p>Biết cách trình bày, phân tích, bình luận vấn đề pháp lý ở mức cao hơn. Có khả năng đọc các tài liệu nước ngoài</p>	<p>Đánh giá báo cáo về nội dung, hình thức và phân bảo vệ báo cáo.</p>

8. Phụ trách môn học

- Khoa/Bộ môn: Luật Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:sonduong@uel.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

PGS.TS Dương Anh Sơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học
 - + Tiếng Việt: Luật Kinh doanh Quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Business Law
- Mã số môn học: LAW1518
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - Kiến thức cơ bản
 - Kiến thức chuyên ngành
 - Môn học chuyên về kỹ năng chung
 - Kiến thức cơ sở ngành
 - Kiến thức khác
 - Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 3TC
- Môn học trước: Luật Hợp đồng, Luật Thương mại, Tư pháp Quốc tế

2. Mô tả môn học

Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức tổng quát về ngành luật kinh doanh quốc tế, cụ thể là các khái niệm, các mối quan hệ pháp luật và các vấn đề pháp lý nảy sinh trong các giao dịch kinh doanh có yếu tố quốc tế.

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên được mong đợi sẽ nắm được các kiến thức chung về luật kinh doanh quốc tế, có khả năng giải thích các sự kiện pháp lý trong các giao dịch kinh doanh quốc tế và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.

Môn học tập trung vào các nội dung chính:

- Tổng quan về kinh doanh quốc tế và luật kinh doanh quốc tế
- Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế
- Pháp luật về thanh toán quốc tế
- Pháp luật về vận chuyển hàng hoá quốc tế
- Pháp luật về nhượng quyền thương mại quốc tế
- Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế
- Án lệ trong lĩnh vực hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế

Course description

The course is designed to provide students with a general knowledge of the international business law, in particular, among the others, the concepts, legal relationships and legal issues arising from business transactions in the international context.

Upon completion of the course, students are expected to acquire general knowledge of international business law, be able to recognize legal issues in international business transactions and apply the knowledge they have learned to deal with these legal issues.

The course focuses on the following topics:

- Overview of international business transactions and international business law
- Law on international sale of goods contract
- Law on international payments
- Law on international carriage of goods
- Law on international franchising
- Dispute settlement in international business
- Case laws on international sale of goods contract

3. Tài liệu học tập

1. PGS. TS. Dương Anh Sơn (2016), Giáo trình Luật Hợp đồng Thương mại Quốc tế, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hanoi Law University (2012), Textbook International Trade and Business Law, The People's Public Security Publishing House.
3. PGS. TS. Trần Văn Nam (2017), Giáo trình Luật Thương mại Quốc tế, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân
4. Nguyễn Trọng Thuỳ (2015), Hiểu và áp dụng tốt Incoterms 2010, NXB Tài Chính
5. Nguyễn Trọng Thuỳ (2015), Bình luận UCP, NXB Tài Chính

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR môn học	TĐNL
G1	Sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ có hiểu biết cơ bản về những kiến thức lý luận và thực tiễn về pháp luật kinh doanh quốc tế.	L.O.1, L.O.2	2
G2	Có khả năng lựa chọn luật áp dụng cho các giao dịch trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.	L.O.1, L.O.2	2~3
G3	Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến giao dịch kinh doanh quốc tế.	L.O.3, L.O.5	3
G4	Có khả năng đàm phán hoặc tư vấn đàm phán giao kết hoặc tham gia giải quyết tranh chấp đối với các hợp đồng thương mại quốc tế.	L.O.3, L.O.6, L.O.7	3~4
G5	Có khả năng lựa chọn các vấn đề pháp lý để tiếp tục học tập và nghiên cứu	L.O.4, L.O.6, L.O.7	4

5. Chuẩn đầu ra môn học

CDR	Mô tả CDR	Mức độ giảng dạy
L.O.1	Nắm được hệ thống kiến thức tổng quát về luật kinh doanh quốc tế	T
	L.O.1.1 – Hiểu được các khái niệm trong giao dịch kinh doanh quốc tế L.O.1.2 – Biết được nguồn luật điều chỉnh các giao dịch kinh doanh quốc tế L.O.1.3 – Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật trong nước và quốc tế điều chỉnh hoạt động kinh doanh quốc tế	T
L.O.2	Có khả năng so sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước khác và với các điều ước quốc tế điều chỉnh các giao dịch kinh doanh quốc tế	T, U
	L.O.2.1 – Có hiểu biết về mối liên hệ giữa các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam L.O.2.2 – Có khả năng phân tích sự tương đồng và khác biệt giữa các hệ thống pháp luật L.O.2.3 – Có khả năng đánh giá ưu và nhược của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	
L.O.3	Có khả năng ứng dụng kiến thức để thực hiện các nghiệp vụ pháp lý	T, U
	L.O.3.1 – Có khả năng áp dụng kiến thức để nhận diện các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế L.O.3.2 – Có khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề pháp lý L.O.3.3 – Có khả năng xử lý các tình huống trong tranh chấp thương mại quốc tế L.O.3.4 – Có khả năng vận dụng kiến thức về tập quán thương mại quốc tế để tiến hành hoặc tư vấn cho hoạt động thương mại quốc tế L.O.3.5 – Có khả năng thực hiện các thủ tục pháp lý về xuất nhập khẩu hàng hóa L.O.3.6 – Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định	

L.O.4	Có khả năng lựa chọn các vấn đề pháp lý để tiếp tục học tập và nghiên cứu	I
	L.O.4.1 – Có khả năng học hỏi và áp dụng các kiến thức mới	
	L.O.4.2 – Có đạo đức nghề nghiệp	
L.O.5	Có kỹ năng hoạch định và tổ chức công việc trong phạm vi nhóm nhỏ	I

CDR dành cho chương trình cử nhân tài năng

L.O.6	Có kỹ năng trình bày và thuyết trình bằng tiếng Anh tốt	I, U
L.O.7	Có kỹ năng tìm kiếm thông tin và kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ học thuật được tăng cường	I, U

6. Đánh giá môn học

Sinh viên cần đảm bảo tham dự tối thiểu 2/3 buổi học trên lớp, đồng thời phải dành thời gian tự học ở nhà theo như hướng dẫn của giáo viên, tham gia kiểm tra giữa kỳ và kiểm tra cuối kỳ để hoàn tất khóa học.

Phương pháp đánh giá cụ thể:

STT	Tên hoạt động đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	Thang điểm
1	Giữa kỳ	Bài thi giữa kỳ	15%	10
2	Quá trình	Giải quyết tình huống theo nhóm	10%	10
3	Đánh giá tài năng	Làm bài tiểu luận và thuyết trình bằng tiếng Anh	25%	10
3	Cuối kỳ	Thi tự luận	50%	10

7.Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1.	<p>Chương 1. Tổng quan</p> <p>1.1.Giới thiệu chung về giao dịch kinh doanh quốc tế và luật kinh doanh quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử phát triển của hoạt động thương mại quốc tế - Phân biệt giữa giao dịch kinh doanh quốc tế (international business transactions) và thương mại quốc tế (international trade transactions) - Sự hình thành Luật kinh doanh quốc tế 	L.O.1.1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà;tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên. - Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên. 	Không
2.	<p>1.2.Nguồn của Luật kinh doanh quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pháp luật quốc gia - Pháp luật quốc tế <p>1.4.Chủ thể của Luật kinh doanh quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thương nhân - Các tổ chức quốc tế - Các quốc gia (chủ thể đặc biệt) 	L.O.1.2 L.O.1.3	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên. - Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên. 	Không
3.	<p>Chương 2. Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế</p> <p>2.1.Giới thiệu chung về mua bán hàng hoá quốc tế</p> <p>2.2.Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật quốc gia - Điều ước quốc tế - Tập quán thương mại quốc tế - Các nguồn khác 	L.O.1.2 L.O.1.3	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên. 	Không

	2.3.Chọn luật áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế		- Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.	
4.	2.4.Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (CISG) - Khái quát về CISG - Phạm vi áp dụng - Giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế - Nghĩa vụ của bên mua và bên bán - Các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng	L.O.1.3 L.O.2.2 L.O.3 L.O.6 L.O.7	- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên. - Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Không
5.	2.5.Bộ nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) - Khái quát về PICC - Một số nội dung chính của PICC 2.6.Bộ nguyên tắc Châu Âu về hợp đồng (PECL) - Khái quát về PECL - Một số nội dung chính của PECL 2.7.Các điều kiện giao hàng trong mua bán hàng hoá quốc tế (Incoterms)	L.O.1.3 L.O.3.1 L.O.6 L.O.7	- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên. - Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Không
6.	2.8.Pháp luật Việt Nam điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế - Nguồn luật điều chỉnh - Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế - Giao kết hợp đồng - Nội dung của hợp đồng - Các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng - Các trường hợp miễn trách	L.O.2 L.O.3 L.O.4	- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên.	Không

			- Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.	
7.	Thảo luận và kiểm tra giữa kỳ	L.O.4 L.O.5 L.O.6 L.O.7	- Sinh viên thảo luận các vấn đề còn vướng mắc và làm bài kiểm tra - Giảng viên giải đáp thắc mắc và gợi mở hướng nghiên cứu	Kiểm tra giữa kỳ
8.	Chương 3. Pháp luật về thanh toán quốc tế 3.1. Giới thiệu chung về hoạt động thanh toán trong kinh doanh quốc tế 3.2. Hối phiếu kèm chứng từ - Hối phiếu - Hoạt động của hối phiếu kèm chứng từ - Nhờ thu kèm chứng từ 3.3. Tín dụng chứng từ - Giới thiệu về Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP) - Định nghĩa tín dụng chứng từ - Các loại tín dụng chứng từ - Luật điều chỉnh tín dụng chứng từ - Các nội dung cơ bản của tín dụng chứng từ - Sự vận hành của thư tín dụng Các hợp đồng phát sinh từ giao dịch thư tín dụng	L.O.1 L.O.2.3 L.O.3 L.O.6 L.O.7	- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên. - Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Không
9.	Chương 4. Pháp luật về vận chuyển hàng hoá quốc tế 4.1. Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển - Khái quát hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	L.O.1 L.O.2.3 L.O.3	- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên	Không

	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng vận chuyển hàng hoá theo chứng từ vận chuyển - Hợp đồng chuyên chở bằng tàu chuyên <p>4.2.Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát - Hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không <p>4.3.Vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát - Hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ <p>4.4.Vận tải hàng hoá đa phương thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát - Hợp đồng vận tải đa phương thức 	<p>L.O.6</p> <p>L.O.7</p>	<p>cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.</p>	
10.	<p>Chương 5. Pháp luật về nhượng quyền thương mại quốc tế</p> <p>5.1.Khái niệm nhượng quyền thương mại quốc tế</p> <p>5.2.Pháp luật về nhượng quyền thương mại quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký nhượng quyền - Hợp đồng nhượng quyền thương mại - Giải quyết tranh chấp <p>5.3.Pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa nhượng quyền thương mại - Điều kiện đối với bên nhượng quyền và nhận quyền <p>Hợp đồng nhượng quyền thương mại quốc tế</p>	<p>L.O.1</p> <p>L.O.2.3</p> <p>L.O.3</p> <p>L.O.6</p> <p>L.O.7</p>	<p>- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.</p>	Không

11.	<p>Chương 6. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế</p> <p>6.1. Các phương thức giải quyết tranh chấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương lượng - Trung gian - Hoà giải - Trọng tài - Toà án 	<p>L.O.1.2</p> <p>L.O.1.3</p> <p>L.O.3.3</p> <p>L.O.3.6</p>	<p>- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.</p>	Không
12.	<p>6.2. Chọn luật áp dụng và cơ quan tài phán trong giải quyết tranh chấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài - Giải quyết tranh chấp bằng toà án 	<p>L.O.1.2</p> <p>L.O.1.3</p> <p>L.O.3.3</p> <p>L.O.3.6</p>	<p>- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên: thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên.</p>	Không

Phân dành cho chương trình cử nhân tài năng

13.	<p>Chương 7. Án lệ trong lĩnh vực hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế</p> <p>7.1. Một số vấn đề pháp lý gây tranh cãi</p> <p>7.2. Thực trạng giải quyết của Toà án các nước</p> <p>Thảo luận về các vụ án điển hình</p>	<p>L.O.3.1</p> <p>L.O.3.2</p> <p>L.O.3.3</p> <p>L.O.3.4</p> <p>L.O.3.6</p> <p>L.O.4.1</p>	<p>- Sinh viên: đọc trước tài liệu tại nhà; tham gia thảo luận trên lớp và nghiên cứu các vấn đề gợi mở của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên: thuyết giảng và</p>	Không
-----	---	---	--	-------

			giải đáp thắc mắc của sinh viên.	
14.	Phiên toà giả định	L.O.4 L.O.5 L.O.6 L.O.7	Sinh viên: chia thành các nhóm nhỏ tiến hành tranh tụng trên tình huống giả định do giảng viên cung cấp Giảng viên: cung cấp tình huống và đánh giá kết quả của các nhóm	Bài tập tình huống
15.	Thảo luận và ôn tập	L.O.4 L.O.5 L.O.6 L.O.7	Sinh viên: đặt câu hỏi và thảo luận Giảng viên: trả lời câu hỏi và gợi mở hướng nghiên cứu	Không

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10, năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

ThS. Trịnh Thực Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Luật Thương mại quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Trade Law
- Mã số môn học: LAW1510
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - Kiến thức cơ bản
 - Kiến thức cơ sở ngành
 - Kiến thức chuyên ngành
 - Kiến thức khác
 - Môn học chuyên về kỹ năng chung
 - Môn học đề án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết/Môn học trước: Luật Quốc tế

2. Mô tả môn học

Môn học Luật Thương mại Quốc tế (International Trade Law) là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật Thương mại Quốc tế. Mục đích của môn học nhằm cung cấp kiến thức cho sinh viên về hệ thống hiệp định thương mại đa phương và các quy định cơ bản của Tổ chức thương mại thế giới.

3. Tài liệu học tập

Giáo trình:

- [1] Peter Van den Bossche and Werner Zdouc (2017), The Law and Policy of the World Trade Organization: Text, Cases and Materials (4th ed), Cambridge
- [2] Matsushita et al (2015), The World Trade Organization (3rd ed), Oxford
- [3] Lester, Mecurio and Davies (2012), World Trade Law: Text, Materials and Commentary (2nd ed), Hart Publishing
- [4] Asif H Qureshi et al (2011), International Economic Law (3rd ed), Sweet&Maxwell
- [5] Mai Hồng Quỳ, Trần Việt Dũng (2012), Luật thương mại quốc tế (tái bản lần thứ nhất)

Tài liệu khác:

- [1] Mai Hồng Quỳ, Lê Thị Ánh Nguyệt (2012), Luật Tổ chức thương mại thế giới: Tóm tắt và bình luận án

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx)(1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
GI	Khả năng hiểu biết và vận dụng kiến thức của các lĩnh vực để lý giải những vấn đề của pháp luật	A1, A2, B3, B4	3

G2	Khả năng lựa chọn các vấn đề mang tính đạo đức để học tập và nghiên cứu, nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề đạo đức xã hội và có đạo đức nghề nghiệp	D3, E3, F1, G1, G2, H1	3
-----------	---	------------------------	---

5. Chuẩn đầu ra môn học

(các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (3)
G.1.1	Hiểu được lịch sử hình thành và sự vận hành của hệ thống thương mại đa phương	T
G.1.2	Hiểu được các quy định cơ bản của Tổ chức Thương mại thế giới	T
G.2.1	Đọc hiểu và tóm tắt thuần thục các án lệ của Tổ chức thương mại thế giới	T
G.2.2	Phân tích pháp lý một vấn đề phát sinh	T
G.2.3	Trình bày pháp lý theo hướng tư vấn cho khách trên thực tế hành nghề	T

(2) :Ký hiệu CDR của môn học

(2):Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3):**I** (Introduce): giới thiệu; **T**(Teach): dạy; **U**(Utilize): sử dụng

6.Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CDR môn học (G.x.x) (3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần và mức độ đóng góp tham gia bài giảng của sinh viên tại lớp	G1.2, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3	5%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài tập nhóm theo dạng tiểu luận	G1.2, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3	15%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi tự luận	G1.2, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3	50%
A.4 Đánh giá phần nâng cao (Đề án/ Tiểu luận/bài tập nâng cao)	A.4.1 Bài thu hoạch bằng tiếng anh	G1.2, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3	30%

7.Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Tuần/Buổi học [1]	Nội dung [2]	CDR môn học [3]	Hoạt động dạy và học [4]	Bài đánh giá [5]
1	<p>SESSION 1: INTRODUCTION TO THE WORLD TRADE ORGANIZATION</p> <p>I. What is the WTO? 1.1 Introduction 1.2 Legal framework 1.3 Objectives and functions</p> <p>II. General principles of the law and policy of the WTO 2.1 Non – discrimination 2.2 Market access 2.3 Protection against unfair trade 2.4 Trade liberalization versus other societal values and interests</p> <p>III. Institutional structure</p>	G1.2, G2.1, G2.3, G1.2, G2.2,	<p>Dạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	<ul style="list-style-type: none"> 3.1 Basic structure 3.2 Ministerial Conference 3.3 General Council, DSB and TPRB 3.4 WTO Secretariat 3.5 Other bodies IV. Membership and Accession <ul style="list-style-type: none"> 4.1 Accession 4.2 Membership V. Origin of the WTO <ul style="list-style-type: none"> 5.1 GATT 1947 5.2 Uruguay Round of Multilateral Trade Negotiation 5.3 The Marrakesh Agreement establishing the WTO 5.4 Economic principles of the WTO trade system 				
2	<p>SESSION 2: WTO DISPUTE SETTLEMENT</p> <ul style="list-style-type: none"> I. Origin of the WTO dispute settlement <ul style="list-style-type: none"> 1.1 From 1948 to 1995 1.2 From 1995: Dispute Settlement Understanding II. Objectives III. Jurisdiction of the WTO dispute settlement system IV. Access to the WTO dispute settlement system V. Institutions <ul style="list-style-type: none"> 5.1 Dispute Settlement Body 5.2 Panels 5.3 Appellate Body VI. Proceedings <ul style="list-style-type: none"> 6.1 Consultations 6.2 Panel proceedings 6.3 Appellate proceedings 6.4 Implementation and enforcement 	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Dạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	<p>VII. Remedies for breach of WTO law</p> <p>7.1 Withdrawal or Modification of the WTO – inconsistent measures</p> <p>7.2 Compensation</p> <p>7.3 Retaliation</p>				
3	<p>SESSION 3: TRADE ON GOODS: PRINCIPLES OF NON – DISCRIMINATION</p> <p>I. Most – favoured nation treatment</p> <p>1.1 Introduction</p> <p>1.2 Scope of application</p> <p>1.3 “Any advantage with respect to...”</p> <p>1.4 “Like product”</p> <p>1.5 “Immediately and unconditionally</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1
4	<p>SESSION 3: TRADE ON GOODS: PRINCIPLES OF NON – DISCRIMINATION (CONT.)</p> <p>II. National treatment</p> <p>2.1 Introduction</p> <p>2.2 Scope of application</p> <p>2.3 Article III:2</p> <p>2.3.1 The first sentence</p> <p>2.3.2 The second sentence</p> <p>2.4 Article III:4</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1
5	<p>SESSION 4: TRADE IN GOODS: MARKET ACCESS</p> <p>I. Introduction to trade barriers</p> <p>II. Tariff</p> <p>2.1 Introduction</p> <p>2.2 Negotiation on tariff reductions</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	<p>2.3 Tariff concession and Schedule of Concession</p> <p>2.4 Customs classification: The Harmonized System</p> <p>2.5 Customs valuation</p> <p>2.6 Rule of origin</p>			bài tập nhóm	
6	<p>SESSION 4: TRADE IN GOODS: MARKET ACCESS (CONT.)</p> <p>III. Quantitative restrictions</p> <p>3.1 Introduction</p> <p>3.2 Rule on quantitative restriction</p> <p>3.3 Administration of quantitative restriction</p> <p>IV. Other non – tariff barriers</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1
7	<p>SESSION 5: TRADE IN GOODS: EXCEPTIONS</p> <p>I. General exceptions: Article XX</p> <p>1.1 Introduction</p> <p>1.2 Specific exceptions</p> <p>1.3 The Chapeau</p> <p>II. Security exceptions</p> <p>III. Economic emergency exception: Safeguards</p> <p>IV. Regional integration</p> <p>V. Economic development exception: Enabling Clause</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1
8	<p>SESSION 6: DUMPING AND ANTI – DUMPING MEASURES</p> <p>I. Introduction</p> <p>II. Determination of dumping</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	<p>2.1 Export value</p> <p>2.2 Normal value</p> <p>2.3 Comparison between the export price and the normal value</p> <p>2.4 Calculation of the margin of dumping</p> <p>III. Determination of injury</p> <p>3.1 “domestic industry”</p> <p>3.2 Determination of injury</p> <p>3.3 Determination of a threat of material injury</p> <p>3.4 Demonstration of a causal link</p>			Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm	
9	<p>SESSION 6: DUMPING AND ANTI – DUMPING MEASURES (CONT.)</p> <p>IV. Anti – dumping investigation</p> <p>4.1 Introduction</p> <p>4.2 Initiation of an investigation</p> <p>4.3 Period of investigation</p> <p>4.4 Anti – dumping measures</p> <p>4.5 Review of anti – dumping measures</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1
10	<p>SESSION 7: SUBSIDIES AND COUNTERVAILING DUTIES</p> <p>I. Introduction</p> <p>II. Subsidies under the scope of the Agreement on Subsidies and Countervailing Measures</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	<p>2.1 Concept of “subsidies”</p> <p>2.2 Specificity</p> <p>III. Category of subsidies</p> <p>3.1 Prohibited subsidies</p> <p>3.2 Actionable subsidies</p> <p>IV. Countervailing measures</p> <p>4.1 Conditions for imposing of countervailing duties</p> <p>4.2 Application of countervailing measures</p>		khảo, làm bài tập nhóm		
11	<p>SESSION 8: SAFEGUARDS</p> <p>I. Introduction</p> <p>II. Conditions for imposing safeguard measures</p> <p>2.1 Requirements with respect to substantive law</p> <p>2.2 Requirements with respect to investigation</p> <p>III. Safeguard measures</p> <p>3.1 Provisional measures</p> <p>3.2 Safeguard measures</p> <p>3.3 Compensation of affected exporting Member</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1
12	<p>SESSION 9: TECHNICAL BARRIERS AND SANITARY AND PHYTOSANITARY MEASURES</p> <p>I. Introduction</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	<p>1.1 Scope of application: TBT Agreement versus SPS Agreement</p> <p>1.2 SPS Agreement and GATT 1994</p> <p>II. Agreement on Sanitary and Phytosanitary Measures</p> <p>2.1 Introduction</p> <p>2.2 International standard</p> <p>2.3 Higher level of protection</p>			và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm	
13	<p>SESSION 9: TECHNICAL BARRIERS AND SANITARY AND PHYTOSANITARY MEASURES (CONT.)</p> <p>III. Agreement on Trade Barriers to Trade</p> <p>3.1 Non discrimination</p> <p>3.2 Unnecessary obstacles to international trade</p> <p>3.3 Harmonization</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1
14	<p>SESSION 10: TRADE IN SERVICES</p> <p>I. Introduction</p> <p>1.1 Role of services</p> <p>1.2 GATS</p> <p>II. Scope of application</p> <p>2.1 Coverage</p> <p>2.2 Mode of services</p> <p>III. Specific commitments</p> <p>3.1 Schedule of specific commitments</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	<p>3.2 Market access</p> <p>3.3 National treatment</p> <p>3.4 Additional commitment</p> <p>IV. General obligations</p> <p>4.1 Unconditional</p> <p>4.2 Conditional</p>				
15	<p>- REVIEW SESSION</p> <p>- QUESTIONS AND ANSWERS</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: hệ thống cho sinh viên những nội dung đã học trong chương trình</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm và đặt câu hỏi</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	
16	<p>SPECIAL SESSION FOR THE TALENTED PROGRAM: REGIONAL TRADE EXCEPTIONS</p> <p>I. Introduction of Regional Trade Agreements</p> <p>II. Regional Trade Exceptions under GATT 1994</p> <p>2.1 Customs Unions</p> <p>2.2 Free Trade Areas</p> <p>2.3 Interim Agreements</p> <p>2.4 Special and Differential Treatment of Developing-Country Members</p>	G1.2, G2.1, G2.3	G1.2, G2.2,	<p>Đạy: theo nội dung môn học</p> <p>Học ở lớp: thảo luận nhóm</p> <p>Học ở nhà: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo, làm bài tập nhóm</p>	A1.1, A2.1, A3.1

	III. Regional Trade Exceptions under GATS 3.1 Economic Integration Agreements 3.2 3.2 Labours Markets Integration Agreements 3.3 3.3 Special and Differential Treatment of Developing-Country Members			
--	---	--	--	--

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...)

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số tiết trên lớp mới được tham dự thi cuối kỳ;
- Sinh viên phải nộp các bài tập nhóm hàng tuần đúng theo thời hạn được giảng viên thông báo, quá thời gian đó sẽ được xem như không nộp bài.
- Bất cứ hình thức đạo văn nào trong các bài tập nhóm hàng tuần sẽ bị huỷ kết quả đánh giá giữa kỳ.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/Bộ môn: Luật Kinh tế
- Giảng viên phụ trách môn học: Đào Gia Phúc
- Địa chỉ và email liên hệ: phucdg@uel.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

TRƯỞNG BỘMÔN

(Ký ghi rõ họ tên)

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin môn học

- Tên môn học: Luật tài sản (Property law)
- Mã môn học LAW1102
- Số tín chỉ : 03 Tín chỉ
- Môn học tiên quyết: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Những vấn đề chung về Luật dân sự.

2. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý về pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản, bảo vệ quyền sở hữu tài sản.

3. Tài liệu học tập:

- Các VBQPPL về DS, HNGĐ, LĐ, TTDS...
- PGS.Ts Nguyễn Ngọc Điện, Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam, Đại học Mở TPHCM 2016.
- Đại học Luật TPHCM, Giáo trình Luật Dân sự tập 1, 2, NXB Hồng Đức, 2015.
- PGS. TS. Trần Hoàng Hải, *Tuyển tập các bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về trọng tài thương mại*, Nxb. Lao động 2010
- PGS.Ts Đỗ Văn Đại, *Luật thừa kế Việt Nam- Bản án và bình luận bản án*, Tập 1 và 2, Nxb. CTQG 2016 (xuất bản lần thứ ba)
- PGS.Ts Đỗ Văn Đại, *Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam-Bản án và bình luận bản án*, tập 1 và 2, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh 2014 (xuất bản lần thứ hai)
- PGS.Ts Đỗ Văn Đại, *Luật nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự- Bản án và bình luận bản án*, Tập 1 và 2, Nxb. CTQG 2014 (xuất bản lần thứ hai)

- PGS.Ts Đỗ Văn Đại, *Tuyển tập các bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về quyền sử dụng đất*, Nxb. Lao động 2010

- PGS.Ts Đỗ Văn Đại, *Bình luận khoa học những điểm mới BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức-Hội luật gia Việt Nam 2016

4. Mục tiêu của môn học

4.1 Mục tiêu tổng quát

- **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về tài sản, phân loại tài sản, các hình thức sở hữu, các phương thức bảo vệ quyền sở hữu.

- **Về kỹ năng:** Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp luật để giải quyết các tranh chấp liên quan đến tài sản, bảo vệ quyền sở hữu. Kỹ năng nhận diện các quan hệ pháp luật về tài sản.

- **Về thái độ:** Sinh viên có thái độ đạo đức trong ứng xử trong gia đình và xã hội. Nhận thức về việc học tập suốt đời. Nhận thức về ý thức tôn trọng và giữ gìn sự nghiêm minh của pháp luật.

4.2. Mục tiêu cụ thể: chuẩn đầu ra của môn học

SSTT	Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra) của môn học	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
11	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về pháp luật tài sản như các loại tài sản, phân loại tài sản, chiếm hữu tài sản, các quyền khác đối với tài sản.... - Có kiến thức thực tiễn về các loại hình tài sản mới xuất hiện - Có kiến thức tổng quát về pháp luật tài sản với các lĩnh vực pháp luật tổng quát chung về dân sự và các lĩnh vực pháp luật khác. 	A2.1; A.2.2; A.2.3; A.2.4; A.2.5; A.3.1; A.3.3; A.3.4
2	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng pháp luật về tài sản nói chung. - Vận dụng pháp luật về tài sản để bảo vệ quyền sở hữu 	B1.1; B1.2; B.1.3; B1.4; B1.5; B.1.6 C.1.1; C.1.3; C.2.2

	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình hành nghề có liên quan đến lĩnh vực pháp luật tài sản. - Tổ chức các hoạt động làm việc tập thể và trình bày những vấn đề pháp lý liên quan đến việc áp dụng pháp luật trong các bản án, quyết định của tòa án 	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tầm quan trọng của vấn đề áp dụng pháp luật của tòa án từ đó xác định được các giới hạn và chuẩn mực đạo đức cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến hoạt động này. - Lựa chọn ứng xử phù hợp với trách nhiệm nghề nghiệp khi đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến việc áp dụng các quy định của pháp luật dân sự nói chung 	D1.2, D2.2, D2.3

5.Đánh giá môn học

Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra cuối kỳ và bài thi giữa kỳ

+ Bài kiểm tra giữa kỳ, nhằm kiểm tra, đánh giá kiến thức của sinh viên sau khi học xong 5 chương đầu của môn học. Thời gian làm bài trong 45 phút.

+ Bài thi cuối kỳ, nhằm kiểm tra, đánh giá toàn diện kiến thức và kỹ năng phân tích của sinh viên sau khi học xong môn học. Thời gian làm bài trong 75 phút.

Điểm	<5	5-7	7-8	8-10
Tiêu chí				
Nội dung 80%	Đúng < 50% đáp án. Không phân tích	Đúng 50-70 % đáp án Có liệt kê nhưng thiếu phân tích	Đúng 70- 80% đáp án Phân tích sâu.	- Đúng 90- 100% đáp án. - Phân tích sâu, logic.
Hình thức 20%	Trình bày khó hiểu	Trình bày dễ hiểu	Trình bày dễ hiểu	Trình bày dễ hiểu, đẹp.

DANH CHO CỬ NHÂN TÀI NĂNG

STT	Tên hoạt động đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	Thang điểm
1	Giữa kỳ	Nhận định đúng/sai và giải thích	15%	10
2	Quá trình	Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống	10%	10
3	Đánh giá tài năng	Làm bài tiểu luận và thuyết trình bằng tiếng Anh	25%	10
3	Cuối kỳ	Thi tự luận	50%	10

6. Kế hoạch giảng dạy

STT Buổi học	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động của GV	Hoạt động của SV
1	Chương 1	6	Thuyết giảng; tổ chức thảo luận nhóm; Vấn đáp	Đọc tài liệu, làm việc nhóm,
2	Chương 2.	6	Thuyết giảng; Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu tình huống; Vấn đáp	Đọc tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật, nghiên cứu tình huống
3	Chương 3.	6	Thuyết giảng; Tổ chức game; Hướng dẫn nghiên cứu tình huống; Hướng dẫn nghiên cứu vấn đề thực tế; Vấn đáp	Đọc tài liệu; Nghiên cứu văn bản quy phạm pháp luật; Tìm kiếm vụ việc và vấn đề thực tế theo yêu cầu; làm việc nhóm; Báo cáo nhóm
4	Chương 4	6	Thuyết giảng Bài tập thảo luận áp dụng	Làm việc nhóm, đọc văn bản

5	Chương 5	6	Thuyết giảng, bài tập áp dụng	Làm bài tập, đọc giáo trình
6	Chương 6	6	Thuyết giảng, bài tập thảo luận	Đọc tài liệu
7	Bài tập, thảo luận nhóm	6		Thảo luận nhóm
8	Ôn tập, kiểm tra	3		

DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG

- Đọc, thảo luận và nhận xét văn bản pháp luật và án lệ nước ngoài và so sánh với pháp luật tài sản Việt Nam.
- Làm bài tiểu luận

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**TRƯỞNG BỘ MÔN
CƯỜNG**

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Luật Sở hữu trí tuệ
 - + Tiếng Anh: Intellectual Property Law
- Mã số môn học: LAW1504
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - Kiến thức cơ bản
 - Kiến thức cơ sở ngành
 - Kiến thức chuyên ngành
 - Kiến thức khác
 - Môn học chuyên về kỹ năng chung
 - Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 3TC
- Môn học tiên quyết/Môn học trước: Những vấn đề chung về luật dân sự; Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế; Lý thuyết về hợp đồng; Các hợp đồng dân sự thông dụng.

2. Mô tả môn học

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam trên cơ sở các kiến thức chung về tài sản và quyền sở hữu đối với tài sản mà sinh viên đã được học ở môn Những vấn đề chung về luật dân sự và Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế cũng như một phần nội dung của môn học Lý thuyết về hợp đồng và Các hợp đồng dân sự thông dụng.

Môn học được thiết kế gồm các chương sau:

Chương 1. Khái quát chung về pháp luật sở hữu trí tuệ

- Những khái niệm cơ bản về tài sản trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ, luật sở hữu trí tuệ.
- Lịch sử phát triển của quyền sở hữu trí tuệ;
- Nguyên tắc cân bằng lợi ích công cộng và lợi ích cá nhân trong vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Chương 2. Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả

- Các khái niệm cơ bản về quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả;
- Lịch sử phát triển của luật bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả;
- Các quy định pháp luật Việt Nam về địa vị chủ thể quyền và nội dung quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả;

- Những quy định về bảo hộ và chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả.

Chương 3. Quyền sở hữu công nghiệp

- Các khái niệm cơ bản về quyền sở hữu công nghiệp;
- Lịch sử phát triển của luật bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;
- Các quy định pháp luật về các địa vị chủ thể, nguyên tắc xác lập quyền, bảo hộ và chuyển giao đối tượng quyền sở hữu công nghiệp: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại và bí mật kinh doanh.

Chương 4. Quyền đối với giống cây trồng

- Các khái niệm cơ bản về quyền đối với giống cây trồng;
- Lịch sử phát triển của luật bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;
- Các quy định pháp luật về địa vị chủ thể, nguyên tắc xác lập quyền, bảo hộ và chuyển giao đối với giống cây trồng.

Chương 5. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, biện pháp hình sự và biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu.

Course description

The course is designed to provide law students with the background knowledge of the Intellectual Property Law of Vietnam, basing on the general knowledge which students have learned in previously related courses in subjects of Civil law branch.

The course includes five chapters:

Chapter 1. Background of intellectual property (IP) law

- Concepts of intellectual property, IP rights, IP law;
- History of IP rights
- The principle of balancing between the public interests and personal interests in protecting IP rights.

Chapter 2. Copyright and related rights

- Concepts of copyright and related rights;
- History of the copyright law;
- IP legal regulations on the status of copyright and related right holders; contents of copyright and related rights;
- IP legal provisions on protecting and transferring copyright and related rights.

Chapter 3. Industrial Property rights

- Concepts of Industrial Property rights;

- History of the Industrial Property law;
- Legal provisions on the status of right holders, the principle of establishing rights, the protection and transfer of rights as to patent, industrial design, geographical indication, layout-design (topography) of integrated circuit, trade name, and trade secret.

Chapter 4. Rights to New Varieties of Plants

- Concepts of rights to new varieties of plants;
- History of the law of protection of new varieties of plants;
- Legal provisions on the status of right holders, the principle of establishing rights, the protection and transfer of rights as to new varieties of plants.

Chapter 5. Protection of IP rights

Methods of protection of IP rights, including civil measures, administrative measures, criminal measures, and measures of import and export control.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- 1) Trường Đại học Luật TP HCM, Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, 2016
- 2) Lê Nết, Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, NXB ĐHQG TP HCM, 2006

Tài liệu khác:

- 1) TS. Lê Trung Đạo, Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, NXB Tài Chính, 2009
- 2) PGS.TS. Lê Hồng Hạnh, Bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị quốc gia, 2004
- 3) Nguyễn Bá Bình, Bảo hộ Kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam – Pháp luật và thực tiễn, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2005

Văn bản pháp luật

- 1) Công ước Paris 1883 về bảo hộ quyền SHCN
- 2) Công ước Berne 1886 về Bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật
- 3) Luật Sở hữu trí tuệ 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009
- 4) Bộ Luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017
- 5) Nghị định 22/2018/NĐ-CP
- 6) Nghị định 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ 122/2010/NĐ-CP

- 7) Thông tư 01/2007/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 13/2010/TT-BKHHCN, Thông tư 18/2011/TT-BKHHCN, Thông tư 05/2013/TT-BKHHCN và Thông tư 16/2016/TT-BKHHCN).
- 8) Nghị định 88/2010/NĐ-CP
- 9) Thông tư 28/2015/TT-NNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 10) Nghị định 105/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ 119/2010/NĐ-CP
- 11) Nghị định 99/2013/NĐ-CP
- 12) Nghị định 131/2013/NĐ-CP
- 13) Nghị định 31/2016/NĐ-CP
- 14) Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BVHNT&DL-BKH&CN-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp.

4. Mục tiêu môn học

4.1. Mục tiêu tổng quát

Sau khi học xong môn học này, người học có thể:

- *Về kiến thức:*

- 4.1.1. Nắm vững được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ;
- 4.1.2. Hiểu rõ bản chất và các nguyên tắc chung của Luật Sở hữu trí tuệ;
- 4.1.3. Hiểu và phân tích được các quy định cơ bản đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ.

- *Về kỹ năng:*

- 4.1.4. Phân tích luật;
- 4.1.5. Vận dụng luật để giải quyết tình huống thực tế;
- 4.1.6. Nhận định và giải thích cho nhận định của chính mình; phản biện ý kiến của người khác.
- 4.1.7. Đào sâu nghiên cứu các vấn đề về luật sở hữu trí tuệ.

- *Về thái độ:*

- 4.1.8. Tôn trọng luật sở hữu trí tuệ;

4.1.9. Tuân thủ và thực hiện đúng quy định của luật sở hữu trí tuệ trong cuộc sống.

General aims

- *On knowledge:*
 - Understanding basic concepts in IP law;
 - Understanding the essence and general principles of IP law
 - Understanding and analyzing basic provisions of IP rights.
- *On skill:*
 - Analyzing legal provisions;
 - Applying provisions to solve practical disputes;
 - Giving points of view and explaining for those points; critically commenting others' points;
 - Researching issues on IP law.
- *On attitude:*
 - Respecting IP law;
 - Obeying IP provisions in life.

5. Chuẩn đầu ra môn học

(các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

Nhóm	Mục tiêu cụ thể (chuẩn đầu ra) môn học	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
A	<ul style="list-style-type: none">- Nhận diện được đặc thù của pháp luật sở hữu trí tuệ- Hệ thống hóa kiến thức về pháp luật sở hữu trí tuệ.- Vận dụng và đề xuất được giải pháp áp dụng quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ vào những tình huống thực tiễn.	A1, A2, A3, A4, A5, A6
B	<ul style="list-style-type: none">- Xác định được mối liên hệ giữa Luật sở hữu trí tuệ với ngành Luật dân sự.- Hiểu, phân tích, đánh giá được các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, từ đó có thể phản biện và đưa ra quan điểm xây dựng pháp luật.	B1, B2, B3
C	<ul style="list-style-type: none">- Vận dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống tranh chấp trong thực tế.- Nắm rõ các quy định để thực hiện được các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ.	C2, C3, C4

D	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản án, phân tích, bình luận và đưa ra lý lẽ phản biện việc áp dụng pháp luật của cơ quan tài phán liên quan đến lĩnh vực pháp luật sở hữu tuệ. - Đọc, phân tích và áp dụng án lệ liên quan đến pháp luật sở hữu trí tuệ vào trong quá trình xử lý vụ việc thực tế. 	D1, D2, D3
F	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tầm quan trọng của việc tuân thủ luật sở hữu trí tuệ đối với nền kinh tế và đời sống xã hội. - Lựa chọn ứng xử phù hợp, đúng mực và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trong cuộc sống. - Tìm tòi và nhận diện được sự vận động liên tục của các quan hệ pháp luật về sở hữu trí tuệ trong bối cảnh nền cách mạng 4.0, từ đó đề xuất được các phương hướng hoàn thiện quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ. 	F1, F2, F3, F4
E	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày bằng ngôn ngữ viết trong bài tập tiểu luận nhóm và bằng thuyết trình trước lớp về một đề tài đã được chỉ định hoặc lựa chọn bằng tiếng Anh. - Tiếp thu quan điểm của người khác và phản biện. - Hợp tác với người khác khi làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm. 	E1, E2, E3, E4,

Group	Learning outcomes	CDIO
A	<ul style="list-style-type: none"> - Identifying distinctiveness of IP law; - Systematizing the knowledge of IP law; - Utilizing the knowledge and suggesting methods for the application of IP provisions to handle practical disputes. 	A1

B	<ul style="list-style-type: none"> - Defining the relationship between IP law and Civil law. - Understanding, analyzing and assessing IP provisions to establish critical thinking and give opinions to legislation. 	B1, B2, B3
C	<ul style="list-style-type: none"> - Applying legal provisions to solve practical disputes. - Understanding legal provisions to carry out the registration for IP protection. 	C2, C3, C4
D	<ul style="list-style-type: none"> - Reading, analyzing and commenting cases. - Applying case law to solve practical disputes. 	D1, D2, D3
F	<ul style="list-style-type: none"> - Understanding the importance of obeying IP law as to the economy and civil life. - Choosing right conducts and abiding IP right holders. - Seeking and identifying continuing movement of legal relationship of IP law in context of industrial revolution 4.0, and suggesting solutions for completing IP law. 	F3, F2, F3
E	<ul style="list-style-type: none"> - Performing viewpoints by writing a thesis and presenting it in English. - Listening others' ideas and make critical comments. - Cooperating to do teamwork. 	E1, E2, E3, E4,

6.Đánh giá môn học

STT	Tên hoạt động đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	Thang điểm
1	Giữa kỳ	Nhận định đúng/sai và giải thích	20%	10

2	Quá trình	Bài tập nhóm và thuyết trình kết quả làm việc nhóm	20%	10
3	Cuối kỳ	Thi tự luận	60%	10

DÀNH CHO CỬ NHÂN TÀI NĂNG

STT	Tên hoạt động đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	Thang điểm
1	Giữa kỳ	Nhận định đúng/sai và giải thích	15%	10
2	Quá trình	Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống	10%	10
3	Đánh giá tài năng	Làm bài tiểu luận và thuyết trình bằng tiếng Anh	25%	10
3	Cuối kỳ	Thi tự luận	50%	10

- Tiêu chí đánh giá bài tập nhóm và thuyết trình

Điểm \ Tiêu chí	<5	5-7	7-8	8-10
Nội dung 60%	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu những nội dung quan trọng, nội dung không phù hợp chủ đề thuyết trình. - Kết cấu rời rạc. - Dữ liệu cũ, thiếu, không trích nguồn tài liệu tham khảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung chưa đầy đủ - Kết cấu chưa logic - Thiếu một số dữ liệu, chưa cập nhật, một số nguồn không đáng tin cậy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ - Kết cấu chưa logic - Dữ liệu đầy đủ, chưa cập nhật, có trích nguồn tin cậy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ có phân tích sâu nội dung. - Kết cấu logic - Dữ liệu cập nhật, đầy đủ, có trích nguồn tin cậy.

Hình thức 10%	-Thuyết trình chưa lưu loát, không tự tin - Không có phương tiện hỗ trợ, thiếu sáng tạo	-Thuyết trình chưa lưu loát. - Có phương tiện hỗ trợ nhưng không hiệu quả.	-Thuyết trình lưu loát - Kết nối được với phương tiện hỗ trợ, phần trình bày thu hút người nghe	-Thuyết trình cuốn hút. - Kết hợp nhuần nhuyễn với phương tiện hỗ trợ và có tính sáng tạo trong hoạt động trình bày
Phối hợp nhóm 15%	Từ 2/3 số thành viên trở lên không làm việc và vắng mặt trong buổi thuyết trình.	Có từ 1/2 số thành viên trở nên không làm việc nhóm và vắng mặt tại buổi trình bày	Nhóm có từ 2/3 trở lên số thành viên tham gia làm việc và trình bày	Nhóm có tất cả thành viên cùng tham gia và trình bày.
Trả lời câu hỏi 15%	Trả lời sai nội dung	Trả lời đúng, chưa đủ ý	Trả lời đúng, đủ ý nhưng chưa tự tin, không sắp xếp ý tứ hợp lý và logic	Trả lời câu hỏi đúng, đủ ý, thuyết phục

- **Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ**

Đề thi gồm 10 câu nhận định yêu cầu sinh viên trả lời đúng/sai và đưa ra giải thích. Giải thích bao gồm nêu cơ sở pháp lý và lập luận logic. Thang điểm: 10

- **Tiêu chí đánh giá thảo luận nhóm**

Sinh viên tích cực tham gia thảo luận nhóm, trình bày quan điểm trước lớp và đưa ra nhận định đối với quan điểm của các nhóm khác.

- **Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra cuối kỳ**

Đề thi gồm 2 phần: nhận định đúng/sai và bài tập tình huống. Thang điểm: 10.

Yêu cầu sinh viên phải nêu được cơ sở pháp lý, có lập luận chặt chẽ, logic, súc tích hỗ trợ cho luận điểm của mình.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá (5)
1	<p>1. Giới thiệu về môn học và các yêu cầu của môn học</p> <p>2. Chương 1: Khái quát về Sở hữu trí tuệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm - Nguyên tắc 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung, yêu cầu môn học - Hiểu được các khái niệm, nguyên tắc 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận
	<p>Chương 1 (tt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử quyền sở hữu trí tuệ - Các thiết chế quản lý - Vấn đề cân bằng lợi ích công cộng và lợi ích cá nhân 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được lịch sử quyền và các thiết chế quản lý quyền - Phân tích được nguyên tắc, vấn đề cân bằng lợi ích 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận
2	<p>Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, lịch sử quyền; - Đối tượng bảo hộ và đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền; - Chủ thể quyền; - Nội dung quyền. 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm - Trình bày được các loại đối tượng; giải thích được lý do bảo hộ và không bảo hộ; - Nắm được nội dung quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận

3	<p>Chương 2 (tt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, nguyên tắc bảo hộ - Đăng ký quyền - Thời hạn bảo hộ quyền - Xác định hành vi xâm phạm quyền - Các trường hợp sử dụng hợp lý quyền - Chuyển giao quyền. 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm, nguyên tắc bảo hộ - Nắm được quy trình đăng ký quyền - Nhận diện được hành vi xâm phạm quyền - Phân tích được các trường hợp sử dụng hợp lý quyền - Nắm được các quy định về chuyển giao quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận. - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận
4	Thảo luận, trình bày nhóm	Nhóm A, B, C, D, E, F	<ul style="list-style-type: none"> - GV: nêu vấn đề và chủ trì buổi thảo luận - SV: tiếp nhận vấn đề, thảo luận, trình bày, phản biện 	Thảo luận, phản biện nhóm
5	<p>Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>1. Sáng chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, điều kiện bảo hộ - Đối tượng không được bảo hộ - Xác lập quyền - Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm, điều kiện bảo hộ - Nắm vững đối tượng không được bảo hộ - Nắm được quy trình xác lập quyền - Nhận diện được chủ thể quyền và nắm được nội dung, giới hạn quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận. - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận
6	<p>Chương 3 (tt)</p> <p>2. Kiểu dáng công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, điều kiện bảo hộ - Đối tượng không được bảo hộ - Xác lập quyền - Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm, điều kiện bảo hộ - Nắm vững đối tượng không được bảo hộ - Nắm được quy trình xác lập quyền - Nhận diện được chủ thể quyền và nắm được nội dung, giới hạn quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận. - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận

7	<p>Chương 3 (tt)</p> <p>3. Nhãn hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, điều kiện bảo hộ - Đối tượng không được bảo hộ - Xác lập quyền - Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm, điều kiện bảo hộ - Nắm vững đối tượng không được bảo hộ - Nắm được quy trình xác lập quyền - Nhận diện được chủ thể quyền và nắm được nội dung, giới hạn quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận. - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận
8	<p>Chương 3 (tt)</p> <p>4. Chỉ dẫn địa lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, điều kiện bảo hộ - Đối tượng không được bảo hộ - Xác lập quyền - Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm, điều kiện bảo hộ - Nắm vững đối tượng không được bảo hộ - Nắm được quy trình xác lập quyền - Nhận diện được chủ thể quyền và nắm được nội dung, giới hạn quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận. - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận
9	<p>Chương 3 (tt)</p> <p>6. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Tên thương mại và bí mật kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, điều kiện bảo hộ - Đối tượng không được bảo hộ - Xác lập quyền - Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm, điều kiện bảo hộ - Nắm vững đối tượng không được bảo hộ - Nắm được quy trình xác lập quyền - Nhận diện được chủ thể quyền và nắm được nội dung, giới hạn quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận; giao đề tài bài tiểu luận và thuyết trình nhóm (hạn nộp: tuần 13, hạn thuyết trình: tuần 14) - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn; ghi nhận đề tài để chuẩn bị. 	Thảo luận

10	<p>Chương 3 (tt)</p> <p>7. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Các hình thức chuyển giao quyền - Đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm - Phân biệt được các hình thức chuyển giao quyền - Nắm được thủ tục và quy định về đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận. - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn 	Thảo luận
11	Thảo luận, trình bày nhóm	Nhóm A, B, C, D, E, F	<ul style="list-style-type: none"> - GV: nêu vấn đề và chủ trì buổi thảo luận - SV: tiếp nhận vấn đề, thảo luận, trình bày, phản biện 	Thảo luận, phản biện nhóm
12	<p>Chương 4: Quyền đối với giống cây trồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, điều kiện bảo hộ - Đối tượng không được bảo hộ - Xác lập quyền - Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được khái niệm, điều kiện bảo hộ - Nắm vững đối tượng không được bảo hộ - Nắm được quy trình xác lập quyền - Nhận diện được chủ thể quyền và nắm được nội dung, giới hạn quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận; - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn. 	Thảo luận
13	<p>Chương 15: Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp dân sự - Biện pháp hành chính - Biện pháp hình sự - Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu 	<p>Nhóm A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện và phân biệt được các trường hợp xâm phạm phù hợp với từng biện pháp xử lý - Nắm được các quy định cụ thể về xử lý hành vi vi phạm. 	<ul style="list-style-type: none"> - GV: thuyết giảng, đưa ra vấn đề thảo luận; - Sinh viên: nghe, ghi, thảo luận với GV/với bạn; nộp bài tiểu luận nhóm; 	Thảo luận

14	Thuyết trình bài tập nhóm	Nhóm A, B, C, D, E, F	- GV: điều khiển buổi thuyết trình, cho ý kiến nhận xét, chấm điểm, công bố điểm. - SV: thuyết trình, lắng nghe, thảo luận, trình bày, phản biện	Thuyết trình, phản biện nhóm
15	Ôn tập cuối môn học -	Nhóm A, B, C, D, E, F,	- GV: Tóm tắt lại các vấn đề quan trọng; đưa ra một số bài tập ôn tập; gợi ý để sinh viên có ý kiến trao đổi - SV: lắng nghe, thảo luận, đặt câu hỏi	Thảo luận, trả lời câu hỏi ôn tập

DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG

- Đọc, thảo luận và nhận xét văn bản pháp luật và án lệ nước ngoài và so sánh với pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.
- Làm bài tiểu luận và thuyết trình bằng tiếng Anh.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/Bộ môn: Luật Kinh tế
- Email liên hệ: khoaluatkinhte@uel.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký ghi rõ họ tên)

CB PHỤ TRÁCH LẬP ĐỀ CƯƠNG

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học: Luật đất đai (Land Law)
- Mã số môn học: LAW1505
- Số tín chỉ: 03
- Môn học tiên quyết: Luật dân sự, Luật doanh nghiệp

2. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung môn học bao gồm 4 phần, 7 chương trình bày các nội dung liên quan đến luật đất đai. Trong đó có các nội dung cơ bản như: các cơ sở lý luận liên quan đến quan hệ đất đai và luật đất đai; quy định pháp luật đất đai về sở hữu đất đai, sử dụng đất đai, giao dịch về đất đai, các biện pháp bảo đảm thực hiện luật đất đai nói chung và quyền của các chủ sở hữu, sử dụng đất đai nói riêng.

PHẦN 1. TỔNG QUAN MÔN HỌC

1.1. Mục tiêu

1.2. Yêu cầu

1.3. Phương pháp đánh giá

1.4. Tài liệu học tập

Phần 2. TỔNG QUAN PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

Mục 1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò pháp luật đất đai

1.1. Khái niệm:

1.2. Đặc điểm

* Đối tượng điều chỉnh

- Quan hệ sở hữu đất đai
- Quan hệ sử dụng đất đai
- Quan hệ quản lý đất đai

* Phương pháp điều chỉnh của pháp luật đất đai

- Phương pháp mệnh lệnh hành chính
- Phương pháp bình đẳng thỏa thuận.

1.3.Vai trò của pháp luật đất đai

- Đảm bảo cho đất đai được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội
- Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia
- Bảo vệ môi trường sinh thái.
- Các vai trò chung của pháp luật

Mục 2. Các nguyên tắc của luật đất đai

- 2.1. Nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân
- 2.2. Nguyên tắc Nhà nước thống nhất quản lý đất đai thông qua pháp luật và quy hoạch
- 2.3. Nguyên tắc ưu tiên bảo vệ quỹ đất nông nghiệp
- 2.4. Nguyên tắc sử dụng đất hiệu quả
- 2.5. Nguyên tắc sử dụng đất phải trả tiền

Mục 3. Nguồn luật đất đai

3.1.Khái niệm

3.2. Phân loại nguồn pháp luật đất đai

- Theo hiệu lực pháp lý
- Theo đối tượng điều chỉnh

3.3.Áp dụng văn bản pháp luật đất đai trong trường hợp các văn bản có quy định khác nhau về cùng một vấn đề

Phần 3. QUYỀN SỞ HỮU ĐẤT ĐAI

Mục 1. Tổng quan về đất và quyền sở hữu đất đai

1.1. Tổng quan về đất

- * Khái niệm
- * Đặc điểm
- * Vai trò

1.2. Tổng quan về quyền sở hữu

- * Khái niệm
- * Đặc điểm

* Ý nghĩa của quyền sở hữu đất đai

Mục 2. Chủ thể, đối tượng quyền sở hữu đất đai

2.1. Chủ thể

* Khái niệm

* Đặc điểm

* Cơ sở lý luận cho việc xây dựng chủ thể sở hữu đất đai là toàn dân

2.2. Đối tượng

Mục 3. Nội dung quyền sở hữu đất đai

3.1. Quyền chiếm hữu

3.2. Quyền sử dụng

3.3. Quyền định đoạt

Mục 4. Các biện pháp bảo đảm thực thi quyền sở hữu

Phần 4. QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT:

Chương 1. XÁC LẬP, CHẤM DỨT QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Mục 1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò quyền sử dụng đất

* **Khái niệm**

* **Đặc điểm**

- Quyền tài sản

- Quyền sử dụng đất của người sử dụng đất xuất phát từ chủ sở hữu

- Tham gia vào giao dịch dân sự khi đáp ứng các điều kiện pháp luật

* **Vai trò**

Mục.2. Xác lập quyền sử dụng đất

2.1. Căn cứ xác lập quyền sử dụng đất

* **Nhà nước giao đất**

- Khái niệm

- Phân loại

- Cơ sở pháp lý

*** Nhà nước cho thuê đất**

- Khái niệm

- Phân loại

- Cơ sở pháp lý

*** Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất**

- Khái niệm

- Phân loại

- Cơ sở pháp lý

*** Nhận chuyển quyền sử dụng đất thông qua các hình thức: nhận chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận góp vốn.**

- Khái niệm

- Phân loại

- Cơ sở pháp lý

2.2. Các trường hợp được quyền xác lập quyền sử dụng đất

* Các trường hợp được Nhà nước giao đất

* Các trường hợp được Nhà nước cho thuê đất

* Các trường hợp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

* Các trường hợp có quyền nhận chuyển quyền sử dụng đất

Mục 3. Chấm dứt quyền sử dụng đất

3.1. Căn cứ chấm dứt quyền sử dụng đất

*** Nhà nước thu hồi đất**

- Khái niệm

- Phân loại

- Cơ sở pháp lý

*** Chuyển quyền sử dụng đất**

- Khái niệm
- Phân loại
- Cơ sở pháp lý

3.2.Các trường hợp thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất

*** Các trường hợp thu hồi đất**

- Thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai
- Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng
- Thu hồi đất vì lý do khác

*** Các trường hợp chuyển quyền sử dụng đất**

Chương 2. QUYỀN CỦA CHỦ THỂ SỬ DỤNG ĐẤT

Mục 1. Tổng quan về quyền của chủ thể sử dụng đất

1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại quyền của chủ thể sử dụng đất

*** Khái niệm**

- Chủ thể sử dụng đất
- Quyền của chủ thể sử dụng đất

*** Đặc điểm:**

- Quyền của chủ thể sử dụng đất không hoàn toàn giống nhau.
- Quyền của chủ thể sử dụng đất phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau
- + Hình thức sử dụng đất
- + Loại đất
- + Chủ thể
- + Nguồn gốc tiền sử dụng đất, tiền thuê đất
- + Các yếu tố khác

*** Phân loại**

- Theo tiêu chí chủ thể
- Theo tiêu chí khả năng giao dịch

- Theo luật định

1.2. Thời điểm thực hiện quyền của chủ thể sử dụng đất

- * Thời điểm thực hiện quyền chung
- * Thời điểm thực hiện quyền giao dịch quyền sử dụng đất
- * Thời điểm thực hiện các quyền khác

1.3. Điều kiện chung thực hiện quyền

- * *Trong trường hợp thực hiện quyền chung*
- * *Trong trường hợp thực hiện quyền giao dịch và các quyền khác*

CHƯƠNG 3. QUYỀN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Mục 1. Khái niệm, đặc điểm, giá trị pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- * Khái niệm
- * Đặc điểm
- * Giá trị pháp lý

Mục 2. Chủ thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- 2.1. Bên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- 2.2. Bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Mục 3. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

3.1. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp được Nhà nước giao đất, được Nhà nước cho thuê đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất

- * Điều kiện
- * Trình tự, thủ tục

3.2. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp được công nhận quyền sử dụng đất

- * Điều kiện

- Đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước
- Đối với tổ chức trong nước
- Đối với cộng đồng dân cư
- Đối với cơ sở tôn giáo
- * Trình tự, thủ tục

Mục 4. Thực tiễn áp dụng pháp luật về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các biện pháp đảm bảo thực hiện quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- 4.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- 4.2. Các biện pháp đảm bảo thực hiện quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

CHƯƠNG 4. QUYỀN GIAO DỊCH QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Mục . Khái niệm, phân loại, ý nghĩa của quyền giao dịch quyền sử dụng đất

- * **Khái niệm**
- * **Phân loại**
- * **Ý nghĩa**

Mục 2. Chủ thể có quyền giao dịch quyền sử dụng đất

- * Phải là chủ thể sử dụng đất, trừ một số trường hợp
- * Phải sử dụng đất theo hình thức do luật định
- * Không sử dụng tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Mục 3. Quyền sử dụng đất có quyền giao dịch

- * *Quyền sử dụng của thửa đất, một phần quyền sử dụng của thửa đất*
- * *Quyền sử dụng đất có quyền giao dịch*

Mục 4. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền giao dịch quyền sử dụng đất

- 4.1. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền chuyển đổi quyền sử dụng đất
- 4.2. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất

- 4.3. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền tặng cho quyền sử dụng đất
- 4.4. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền thừa kế quyền sử dụng đất
- 4.5. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền góp vốn quyền sử dụng đất
- 4.6. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất
- 4.7. Điều kiện, thủ tục thực hiện quyền thế chấp quyền sử dụng đất

Mục.5. Thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền thực hiện giao dịch quyền sử dụng đất và các biện pháp đảm bảo thực hiện quyền giao dịch quyền sử dụng đất

- 5.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền thực hiện giao dịch quyền sử dụng đất
- 5.2. Các biện pháp đảm bảo thực hiện quyền giao dịch quyền sử dụng đất

Chương 5. QUYỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Mục 1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của quyền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

- * Khái niệm
- * Đặc điểm
- * Ý nghĩa

Mục.2. Các trường hợp được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- 2.1. Các trường hợp được bồi thường
- 2.2. Các trường hợp hỗ trợ
- 2.3. Các trường hợp tái định cư

Mục 3. Mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

3.1. Mức bồi thường

- Trong trường hợp bồi thường về đất
- Trong trường hợp bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại
- Trong trường hợp bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất
- Trong các trường hợp khác

3.2. Mức hỗ trợ

3.3. Mức tái định cư

Mục.4. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

4.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

4.2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

CHƯƠNG 6. NGHĨA VỤ CỦA CHỦ THỂ SỬ DỤNG ĐẤT

Mục 1. Khái niệm, phân loại nghĩa vụ của người sử dụng đất

1.1. Khái niệm

1.2. Phân loại

Mục 2. Nghĩa vụ sử dụng đất đúng mục đích

2.1. Khái niệm

2.2. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc thực hiện nghĩa vụ sử dụng đất đúng mục đích

2.3. Hậu quả pháp lý khi không thực hiện nghĩa vụ sử dụng đất đúng mục đích

Mục 3. Nghĩa vụ đăng ký đất đai

3.1. Khái niệm, phân loại

* Khái niệm

- Đăng ký đất đai

- Nghĩa vụ đăng ký đất đai

* Phân loại

3.2. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai

3.3. Hậu quả pháp lý khi không thực hiện nghĩa vụ đăng ký đất đai

Mục 4. Nghĩa vụ tài chính về đất

4.1. Khái niệm, phân loại

* Khái niệm

* Phân loại

4.2. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính

3.3. Hậu quả pháp lý khi không thực hiện nghĩa vụ tài chính

CHƯƠNG 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Mục 1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa giải quyết tranh chấp đất đai

*** Khái niệm**

- Tranh chấp đất đai
- Giải quyết tranh chấp đất đai

*** Đặc điểm**

*** Ý nghĩa**

Mục.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp đất đai

Mục.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp đất đai

Mục.4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai

Mục 5. Điều kiện, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền

3. Tài liệu học tập

3.1. Văn bản pháp luật

- Luật Đất đai năm 2013
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 /5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai
- Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15 /5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất
- Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15 – 5- 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất
- Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 – 5- 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước
- Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
- Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai
- Nghị định số: 01/2017/ NĐ- CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên - Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
- Thông tư số 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên - Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
- Thông tư 47/2013/TT-BNNPTNT ngày 08/11/2013 của Bộ NN và PTNT hướng dẫn việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa
- Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên - Môi trường Quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất
- Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước
- Các văn bản pháp luật mới (nếu có) được giảng viên cung cấp trong quá trình giảng

3.2. Giáo trình

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật đất đai*, Chủ biên: TS. Trần Quang Huy, NXB CAND.
- Trường Đại học Luật TP. HCM (2015), *Giáo trình Luật đất đai* , Chủ biên: TS. Lưu Quốc Thái, NXB Hồng Đức TP. HCM.

3.3. Sách, Tạp chí khoa học tham khảo

- Nguyễn Hải An (2012), *Pháp luật về tặng cho quyền sử dụng đất ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia
- Nguyễn Ngọc Điện (1999), *Nghiên cứu về tài sản trong Luật Dân sự Việt Nam*, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh
- Nguyễn Ngọc Điện (2001), *Bình luận các hợp đồng thông dụng trong Luật dân sự Việt Nam*, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh
- Nguyễn Ngọc Điện (1999), *Một số suy nghĩ về thừa kế trong Luật dân sự Việt Nam*, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh
- Đặng Thị Bích Liễu (2013), *Pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia

- Đỗ Văn Đại (2010), *Giao dịch và giải quyết tranh chấp giao dịch quyền sử dụng đất*, NXB Chính trị quốc gia
- Nguyễn Thị Nga (2015), *Pháp luật về thế chấp quyền sử dụng đất tại các tổ chức tín dụng ở Việt Nam*, NXB Tư pháp
- Nguyễn Văn Thọ – Nguyễn Hữu Đạt (2004), *Một số vấn đề về sở hữu ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia
- Phạm Văn Võ (2014), *Về chế độ sở hữu đất đai ở Việt Nam*, NXB Lao động
- V.P. Kamyshanskiy (2000), *Law of Property: scope and limitations*, Law & Legislation. Moscow
- Charles E. Cohen, *An Argument for banning Economic Development Takings*, Harvard Journal of Law & Public Policy [Vol. 29]
- Katrina Miriam Wyman, *The Measure of Just Compensation*, UC Davis Law Review, Vol. 41, No. 1, 2007
- Kelly Daniel B., *The Public Use Requirement in Eminent Domain Law: A Rationale Based on Secret Purchases and Private Influence*, Cornell Law Review, Vol. 92, No. 1, 2006
- Ilya Somin, *The Grasping Hand: "Kelo v. City of New London" and the Limits of Eminent Domain*, University Of Chicago Press, 5/6/2015

4. Mục tiêu môn học

4.1. Mục tiêu tổng quát

*** Kiến thức:**

- Nắm vững pháp luật đất đai
- Nắm vững các lý luận liên quan đến môn học.

*** Kỹ năng**

- Biết cách tự tìm, hiểu các quy định pháp luật về đất đai
- Biết cách vận dụng pháp luật về đất đai để giải quyết các vấn đề cơ bản trên thực tế một cách hiệu quả.
- Bước đầu biết cách tìm, phát hiện, nghiên cứu và trình bày các vấn đề pháp lý

liên quan đến môn học.

- Bước đầu biết cách tổng hợp, phân tích, luận giải, đưa ra quan điểm cá nhân để đánh giá tính hợp lý, tính khả thi của pháp luật về đất đai. Từ đó, đưa ra quan điểm cá nhân để khắc phục các điểm chưa hợp lý của pháp luật về đất đai

4.2. Mục tiêu cụ thể (chuẩn đầu ra):

STT	Mục tiêu cụ thể (chuẩn đầu ra) môn học	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt được cơ sở lý luận chung liên quan đến quan hệ đất đai: khái niệm, đặc điểm, vai trò của đất đai, sự cần thiết và các mối quan hệ mà luật đất đai cần điều chỉnh, nguyên tắc điều chỉnh của luật đất đai... - Hệ thống hóa các kiến thức pháp luật nền tảng cần thiết cho việc nghiên cứu môn học, như: luật tài sản, luật hợp đồng, luật kinh doanh... - Phân biệt và nhận diện được mối liên quan giữa luật đất đai với các ngành luật khác, như: luật dân sự, luật hành chính, luật kinh doanh - Nắm vững, vận dụng một cách hiệu quả luật đất đai vào việc giải quyết các tình huống phổ biến trên thực tế - Biết cách nhận diện, đánh giá các vấn đề pháp lý của luật đất đai, như tính hợp lý, tính khả thi, tính thống nhất, tính công khai, minh bạch, tính hiệu quả. - Biết cách đề ra hướng khắc phục các điểm hạn chế của luật đất đai một cách phù hợp nhất trên cơ sở lý luận và thực tiễn 	<p>Hệ thống hóa kiến thức pháp luật nền tảng về tất cả các lĩnh vực pháp lý trong đời sống (Luật Hành chính, Hình sự, kinh doanh-thương mại, Dân sự...)</p> <p>Phân biệt được các ngành luật và phân tích được mối liên hệ giữa các ngành luật</p> <p>Vận dụng được những kiến thức pháp luật cơ bản vào những tình huống thực tiễn xảy ra</p> <p>Giải thích và đánh giá được các quy định của pháp luật</p> <p>Đề xuất giải pháp áp dụng tối ưu trong việc lựa chọn áp dụng luật</p> <p>Hiểu được những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực đất đai</p>

		<p>Phân tích, tổng hợp được các nội dung lý luận về pháp luật đất đai</p> <p>Vận dụng được các kiến thức pháp luật đất đai để áp dụng vào thực tế đời sống pháp lý</p> <p>Đánh giá ưu nhược điểm các quy định pháp luật đất đai và rút ra giải pháp áp dụng phù hợp nhất cho những tình huống thực tiễn</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, phân tích, hiểu được các chế định của luật đất đai - Biết cách đọc bản án và bình luận việc áp dụng luật đất đai trong bản án, quyết định của cơ quan tài phán - Biết cách phân tích, sử dụng bản án để làm minh chứng chứng minh cho các đánh giá về tính phù hợp của luật đất đai khi áp dụng trên thực tế. - Vận dụng kiến thức pháp luật để phản biện, lập luận và giải quyết tình huống luật đất đai - Xử lý các tình huống liên quan đến quan hệ đất đai phát sinh cụ thể trong thực tiễn - Thực hiện các thủ tục pháp lý về các nội dung liên quan đến luật đất đai - Tra cứu văn bản pháp luật đất đai 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và phân tích luật đất đai - Đọc bản án và bình luận việc áp dụng pháp luật đất đai trong bản án, quyết định của cơ quan tài phán - Vận dụng kiến thức pháp luật đất đai để phản biện, lập luận và giải quyết tình huống pháp luật dân sự - Xử lý các tình huống đất đai phát sinh cụ thể trong thực tiễn - Thực hiện các thủ tục pháp lý về các nội dung liên quan luật đất đai - Tra cứu văn bản pháp luật đất đai

		<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập các quan hệ nghề nghiệp trong môi trường làm việc - Tham gia, đóng góp hiệu quả trong môi trường làm việc tập thể. - Làm việc độc lập với tư duy logic, sáng tạo - Phối hợp công việc và phát huy kỹ năng trong làm việc nhóm - Trình bày, sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành ở mức cơ bản
3	<p>-Xác định được các giới hạn, chuẩn mực đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn ứng xử phù hợp với trách nhiệm nghề nghiệp khi đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực đất đai - Có khả năng tự nghiên cứu các vấn đề của luật đất đai 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các giới hạn, chuẩn mực đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp - Ứng xử phù hợp với trách nhiệm nghề nghiệp của một người hành nghề pháp luật, đóng góp vào việc giữ gìn công lý và cung cấp dịch vụ pháp lý tốt nhất cho cộng đồng - Tự ý thức học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ - Thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học liên

		quan đến chuyên ngành luật đắt đai và chuyên ngành luật một cách độc lập.
--	--	---

5. Đánh giá kết quả học tập

- Đối với chương trình đại trà

STT	Tên hoạt động đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	Thang điểm
1	Giữa kỳ	Thi tự luận	35%	10
2	Quá trình	Bài tập nhóm, thuyết trình kết quả làm việc nhóm, chuyên cần, tích cực tham gia vào các buổi học	15%	10
3	Cuối kỳ	Thi tự luận hoặc vấn đáp	50%	10

- Đối với chương trình cử nhân tài năng

STT	Tên hoạt động đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số	Thang điểm
1	Giữa kỳ	Thi tự luận	10%	10
2	Quá trình	Bài tập nhóm, thuyết trình kết quả làm việc nhóm, chuyên cần, tích cực tham gia vào các buổi học	15%	10

3	Đánh giá CNTT (Tiểu luận)	Thực hiện đề tài nghiên cứu về các vấn đề chuyên sâu theo yêu cầu của giảng viên	25%	10
4	Cuối kỳ	Thi tự luận hoặc vấn đáp	50%	10

- **Tiêu chí đánh giá bài tập nhóm và thuyết trình**

Điểm Tiêu chí	<5	5-7	7-8	8-10
Nội dung 50%	- Thiếu những nội dung quan trọng, nội dung không phù hợp chủ đề thuyết trình. - Kết cấu rời rạc. - Dữ liệu cũ, thiếu, không trích nguồn tài liệu tham khảo.	-Nội dung chưa đầy đủ - Kết cấu chưa logic - Thiếu một số dữ liệu, chưa cập nhật, một số nguồn không đáng tin cậy.	-Nội dung đầy đủ - Kết cấu chưa logic - Dữ liệu đầy đủ, chưa cập nhật, có trích nguồn tin cậy.	-Nội dung đầy đủ có phân tích sâu nội dung. - Kết cấu logic - Dữ liệu cập nhật, đầy đủ, có trích nguồn tin cậy.
Hình thức 20%	-Thuyết trình chưa lưu loát, không tự tin - Không có phương tiện hỗ trợ, thiếu sáng tạo	-Thuyết trình chưa lưu loát. - Có phương tiện hỗ trợ nhưng không hiệu quả.	-Thuyết trình lưu loát - Kết nối được với phương tiện hỗ trợ, phần trình bày thu hút người nghe	-Thuyết trình cuốn hút. -Kết hợp nhuần nhuyễn với phương tiện hỗ trợ và có tính sáng tạo trong hoạt động trình bày
Phối hợp nhóm	Từ 2/3 số thành viên trở lên không làm việc và vắng	Có từ ½ số thành viên trở nên không làm việc nhóm và	Nhóm có từ 2/3 trở lên số thành viên tham gia làm	Nhóm có tất cả thành viên cùng tham gia và trình

15%	mặt trong buổi thuyết trình.	vắng mặt tại buổi trình bày	việc và trình bày	bày.
Trả lời câu hỏi 15%	Trả lời sai nội dung	Trả lời đúng, chưa đủ ý	Trả lời đúng, đủ ý nhưng chưa tự tin, không sắp xếp ý tứ hợp lý và logic	Trả lời câu hỏi đúng, đủ ý, thuyết phục

- **Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ**

Đề thi được kết cấu thành 3 phần:

Phần thứ nhất: câu hỏi lý thuyết về luật đất đai dưới dạng nhận định đúng sai và giải thích vì sao. Các câu hỏi này mang tính khái quát, tổng hợp kiến thức về một vấn đề pháp lý.

Phần thứ hai : giải quyết tình huống về luật đất đai

Phần thứ ba: Câu hỏi về đánh giá tính phù hợp của luật đất đai

Phần thi trong vòng 75 phút. Mỗi câu 1 điểm. Riêng câu hỏi đánh giá 2 điểm

Câu hỏi lý thuyết và giải quyết tình huống dựa vào việc hiểu đúng quy định luật đất đai, lập luận đầy đủ, rõ ràng, lôgich. Ngoài ra, đối với câu tình huống cần chỉ rõ cơ sở pháp lý, lý do sử dụng cơ sở pháp lý để giải quyết tình huống.

Tiêu chí đánh giá câu hỏi đánh giá tính phù hợp pháp luật dựa vào tính lôgich của lập luận,

- **Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra cuối kỳ**

+ Nếu bài thi cuối kỳ thi viết thì hình thức và tiêu chí đánh giá như đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ như trên.

+ Nếu bài thi cuối kỳ là vấn đáp thì hình thức và tiêu chí đánh giá như sau:

Sinh viên bốc đề thi và chuẩn bị trong vòng 15 phút. Đề thi gồm các câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm về luật đất đai hoặc dưới dạng tự luận như trên. Khi vấn đáp, giảng viên sẽ chọn ngẫu nhiên 3 câu hỏi và yêu cầu sinh viên giải thích lý do cho việc chọn kết quả của mình

Sinh viên trả lời đúng các câu trắc nghiệm được 4 điểm

Sinh viên giải thích được các câu hỏi do giảng viên đặt ra được 6 điểm, mỗi câu 2 điểm

Tiêu chí đánh giá phần thi vấn đáp tương tự như phần thi viết đã trình bày ở phần trên. Điểm cụ thể theo thang điểm đánh giá.

6. Kế hoạch giảng dạy

STT Buổi học	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động của GV	Hoạt động của SV
1	Phần I: Tổng quan môn học	3	Thuyết giảng; Đặt câu hỏi cho sinh viên	Nghe giảng Đặt câu hỏi cho giảng viên

	Phần 2: Tổng quan luật đất đai		Gợi ý, hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét, phản biện ý kiến của sinh viên	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các sinh viên khác
2	Phần 3. QUYỀN SỞ HỮU ĐẤT ĐAI	3	Thuyết giảng; Đặt câu hỏi cho sinh viên Gợi ý, hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét, phản biện ý kiến của sinh viên	Nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi và tình huống mà giảng viên đã giao trước buổi học, sinh viên trả lời các câu hỏi trong buổi học
3,4,5	Phần 4. QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT: Chương 1. XÁC LẬP, CHẤM DỨT QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Chương 2. QUYỀN CỦA CHỦ THỂ SỬ DỤNG ĐẤT CHƯƠNG 3. QUYỀN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	9	Thuyết giảng; Đặt câu hỏi cho sinh viên Gợi ý, hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi Nhận xét, phản biện ý kiến của sinh viên	Nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi và tình huống mà giảng viên đã giao trước buổi học, sinh viên trả lời các câu hỏi trong buổi học

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT			
6	THẢO LUẬN VỀ QUYỀN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	3	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các nhóm trình bày, phản biện về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua các bản án, tình huống giả định - Nhận xét, phản biện, đánh giá về bài thuyết trình của các nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, phản biện của các nhóm về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua các bản án, tình huống giả định - Trả lời câu hỏi của giảng viên và của các nhóm khác
7	CHƯƠNG 4. QUYỀN GIAO DỊCH QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Đặt câu hỏi cho sinh viên - Gọi ý, hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi - Nhận xét, phản biện ý kiến của sinh viên 	Nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi và tình huống mà giảng viên đã giao trước buổi học, sinh viên trả lời các câu hỏi trong buổi học
8	THẢO LUẬN VỀ QUYỀN THỰC HIỆN GIAO	3	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các nhóm trình bày, phản biện về các vấn đề pháp lý liên quan đến 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, phản biện của các nhóm về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền

	DỊCH QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		quyền thực hiện giao dịch quyền sử dụng đất thông qua các bản án, tình huống giả định Nhận xét, phản biện, đánh giá về bài thuyết trình của các nhóm	thực hiện giao dịch quyền sử dụng đất thông qua các bản án, tình huống giả định Trả lời câu hỏi của giảng viên và của các nhóm khác
9	Thi giữa kỳ	3	Thi tự luận	Tham gia thi
10	Chương 5. QUYỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Đặt câu hỏi cho sinh viên - Gọi ý, hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi <p>Nhận xét, phản biện ý kiến của sinh viên</p>	Nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi và tình huống mà giảng viên đã giao trước buổi học, sinh viên trả lời các câu hỏi trong buổi học

11	THẢO LUẬN VỀ QUYỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ	3	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các nhóm trình bày, phản biện về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thông qua các bản án, tình huớng giả định <p>Nhận xét, phản biện, đánh giá về bài thuyết trình của các nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, phản biện của các nhóm về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thông qua các bản án, tình huớng giả định <p>Trả lời câu hỏi của giảng viên và của các nhóm khác</p>
12	CHƯƠNG 6. NGHĨA VỤ CỦA CHỦ THỂ SỬ DỤNG ĐẤT	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Đặt câu hỏi cho sinh viên - Gọi ý, hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi <p>Nhận xét, phản biện ý kiến của sinh viên</p>	<p>Nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi và tình huớng mà giảng viên đã giao trước buổi học, sinh viên trả lời các câu hỏi trong buổi học</p>
13	CHƯƠNG 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Đặt câu hỏi cho sinh viên - Gọi ý, hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi 	<p>Nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi và tình huớng mà giảng viên đã giao trước buổi học, sinh viên trả lời các</p>

			Nhận xét, phản biện ý kiến của sinh viên	câu hỏi trong buổi học
14	THẢO LUẬN, THUYẾT TRÌNH, BÌNH LUẬN CÁC BẢN ÁN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI	3	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các nhóm trình bày, phản biện về các vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết tranh chấp đất đai thông qua các bản án, tình huống giả định <p>Nhận xét, phản biện, đánh giá về bài thuyết trình của các nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, phản biện của các nhóm về các vấn đề pháp lý liên quan đến liên quan đến giải quyết tranh chấp đất đai thông qua các bản án, tình huống giả định <p>Trả lời câu hỏi của giảng viên và của các nhóm khác</p>
15	Ôn tập	3	Hướng dẫn ôn tập	Nghe giảng, đặt câu hỏi cho giảng viên về các vấn đề liên quan đến môn học và kiểm tra cuối kỳ

Phần nội dung dành riêng cho CNTT

Tuần	Nội dung bổ sung dành cho cử nhân tài năng	Chuẩn đầu ra chi tiết	Hoạt động đánh giá
Tuần 7 – tuần 15	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nhóm và chọn đề tài/ bài tập lớn - Thực hiện đề tài/ bài tập nâng cao theo sự phê duyệt của giảng viên. Đề tài/ bài tập nâng cao nhằm nâng cao kỹ năng thực hành và nghiên cứu luật - Gặp GV theo lịch - Hoàn thành báo cáo bằng văn bản - Nộp và bảo vệ báo cáo 	<p>Với chương trình đào tạo cử nhân các lớp không phải là tài năng, mục tiêu hướng đến chủ yếu là nắm kiến thức cơ bản để ứng dụng vào các công việc. Riêng đối với cử nhân tài năng, ngoài mục tiêu hướng dẫn cho các em có tư duy để giải quyết các vụ việc có vấn đề phức tạp hơn. Bên cạnh đó, hướng dẫn các em biết cách nhận ra các vấn đề pháp lý, các điểm chưa phù hợp của pháp luật và đưa ra các giải pháp khắc phục để khắc phục các điểm chưa phù hợp của pháp luật. Biết cách trình bày, phân tích, bình luận vấn đề pháp lý ở mức cao hơn. Có khả năng đọc các tài liệu nước ngoài</p>	<p>Đánh giá báo cáo về nội dung, hình thức và phần bảo vệ báo cáo.</p>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

CB PHỤ TRÁCH MÔN HỌC

